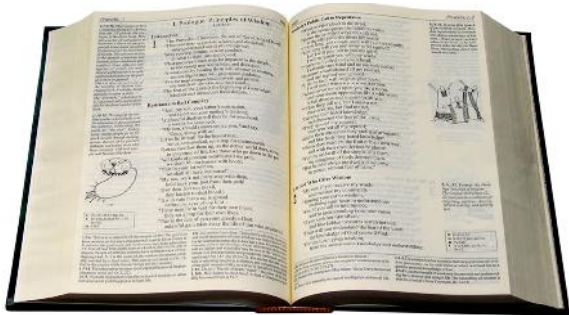


CÓ MỘT CUỐN SÁCH NHƯ THẺ ĐÓ



QUYỂN THƯỢNG

Lm. Giuse NGUYỄN HỮU TRIẾT

20/04/2012

**(SÁCH BIỂU - KHÔNG BÁN
LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

LỜI ĐẦU

Loài người được Tạo Hóa tác thành hơn và khác loài vật ở chỗ có lý trí và tự do.

"Tự do là khả năng biểu lộ ý chí, hành động theo ý muốn của mình" (Đại Tự điển tiếng Việt – Hà Nội 1999, trang 1762), đây là quyền căn bản của mỗi người. Có tự do thì cũng có trách nhiệm, nghĩa là có thưởng và phạt tùy theo lựa chọn đúng hay sai.

Người viết tập này chỉ muốn trình bày sự thật mà mình đã cảm nghiệm, còn quý độc giả đồng tình hay không, hoặc đồng tình một phần nào thì hoàn toàn thuộc quyền tự do của quý vị.

CÓ MỘT CUỐN SÁCH NHƯ THẾ ĐÓ



I. DẪN NHẬP

1. Thế giới sách

Từ thời thượng cổ tới nay, thế giới có biết bao nhiêu là sách, không ai, không cơ quan nào có thể thống kê được. Các sách được sao chép, in ấn, phát hành và đã có mặt trong các tủ sách lớn nhỏ của cá nhân hay gia đình. Với những cộng đồng lớn như quốc gia, thành phố, vùng, miền, các cơ quan ... thì sách được tập trung nơi các thư viện, từ thư viện cổ rất thời danh như thư viện Alexandria của cái nôi văn hóa Ai Cập (trước công nguyên), cho đến thư viện lớn nhất thế

giới hiện nay là thư viện Quốc hội Mỹ, với hàng triệu đầu sách đủ loại. Trong các ngành của bậc đại học có hẳn một ngành về thủ thư, chuyên đào tạo những người làm công tác thư viện, cả đời tiếp cận sách vở.

Nói về sự phong phú của sách, dù kỹ thuật in ấn chưa được phát minh, [mãi giữa thế kỷ 15, Gutenberg – người Đức (1400 – 1468), mới phát minh ra máy in công nghiệp], thánh Gioan Tông Đồ của Chúa Giêsu vào thế kỷ I đã kết thúc sách Tin Mừng thứ Tư của ngài như sau : "*Còn nhiều việc khác Chúa Giêsu đã làm mà nếu ghi chép lại tỉ mỉ từng việc một, thì tôi nghĩ thế giới này không đủ chỗ để chứa hết các sách phải viết ra*" (Tin Mừng theo thánh Gioan, đoạn 21 câu 25). Trong thời bùng nổ thông tin, vi

tính hiện nay và trong tương lai, sách điện tử đã ra đời, rất gọn nhẹ và vô cùng phong phú, đến nỗi mỗi cá nhân có thể sắm cho mình hàng chục, hàng trăm thư viện lớn, có sống đến trăm nghìn tuổi đọc cũng chưa hết sách.

2. Ảnh hưởng của sách

"Sách là bạn, sách là thầy, sách là người hướng đạo", người ta thường nói về sách như thế - và đối với một số "mọt sách", thì sách còn là một cơn "cám dỗ" không thể cưỡng lại được. Rất nhiều bạn đọc đã thú nhận những lần lén đem sách truyện vào lớp học. lén đọc cả khi thầy cô giảng bài, có bạn quên cả ăn, cả ngủ, khi vớ được một cuốn sách hay. Người viết nhớ lại thời tiểu thuyết kiếm hiệp của tác giả Kim Dung chưa được in thành cuốn,

mà đăng từng kỳ trên các báo, bạn đọc nôn nao chờ tới sáng hôm sau để mua báo, hôm nào mà vì lý do này nọ nhà báo tạm gác một kỳ, thì ôi thôi bà con bực bội, tiếc xót ...

"Hội chứng truyền chương Kim Dung" ở Sài Gòn trước 1975

Khoảng năm 1960, tờ *Dân Nguyên* của ông chủ bút Hà Thành Thọ bỗng khởi đăng nhiều kỳ (feuilleton) cuốn tiểu thuyết võ hiệp *Lam y nữ hiệp* của Hồng Kông, một tác phẩm thuộc loại "tân trào võ hiệp tiểu thuyết" (danh từ của các nhà xuất bản Hồng Kông), nghĩa là nó khác với các loại "cựu trào" trước Chiến tranh thế giới thứ hai. Do mới và lạ, *Lam y nữ hiệp* được đông đảo độc giả đón nhận, khen hay, báo bán đắt như tôm tươi ! Thấy

"ngon ăn", một tờ báo khác vùng tiền "mua đứt" dịch giả cuốn *Lam y nữ hiệp*, mời ông này dịch bộ *Lã Mai Nương*. Từ đó, truyện chương Hồng Kông bắt đầu bùng nổ trên báo chí miền Nam VN, khi cùng lúc xuất hiện hai dịch giả Tiền Phong (thường gọi là "Xìn Phoóng", tên Việt là Từ Khánh Phụng) ngoài 50 tuổi, người Minh Hương, và Tam Khôi (người gốc Hải Nam). Có thể khẳng định Từ tiên sinh là vị sứ giả đầu tiên đưa truyện chương Kim Dung đến Sài Gòn qua bộ *Bích huyết kiếm*, còn Tam Khôi dịch bộ *Anh hùng xạ điêu*. Tờ *Đồng Nai* đăng nhiều kỳ truyện dịch của Tiền Phong (*Cô gái Đồ Long*), còn tờ *Dân Việt* khai thác tài dịch thuật của Tam Khôi, tờ *Báo Mới* đăng bộ *Thần điêu đại hiệp* và hàng chục tờ báo (trong số

đó có một số nhật báo Hoa ngữ như *Thành Công, Tân Văn Khoái báo, Luận Đàn Mới, Nhân Nhân, Quang Hoa, Á Châu, Kiến Quốc ...*) đua nhau đăng truyện chương. "Có báo sắp khai tử, nhờ đăng *Cô gái Đồ Long* mà hồi sinh mãnh liệt, lượng phát hành tăng vọt" ! Tên truyện của Kim Dung được nhiều báo khai thác theo những cách khác nhau, như trường thiên tiểu thuyết *Thiên long bát bộ*, có báo đặt tên là *A Tỷ Kiều Phong*, báo thì đăng *Lục mạch thần kiếm*, có báo lại là *Cô Tô Mộ Dung ...*

Truyện chương (kiếm hiệp tân kỳ) đã làm cho nhiều người, nhất là thanh niên, say như điếu đổ, với những võ lâm ngũ bá, *Cô gái Đồ Long, Võ lâm tuyệt địa, Lưu Hương đạo soái, Tiểu ngạo giang hồ, Kiếm sĩ si tình, Giang*

hồ hiệp khách, Tướng cướp Liêu Đông, Lục mạch thần kiếm, Anh hùng xạ điêu, Thần điêu đại hiệp, Lộc Đỉnh Ký, Thiên long bát bộ ... Từ Đài Loan, Hồng Kông, sách chương của những Mộ Dung Mỹ, Gia Cát Thanh Vân, Cô Long, Ngọa Long Sinh, Nhược Minh, Nam Kim Thạch, Độc Cô Hồng, Điền Ca, Kim Dung, Trần Thanh Vân, Trần Trung Vân ... tràn vào Sài Gòn – Chợ Lớn qua tờ *Minh Báo* từ Hương Cảng (Hồng Kông), với hơn 30 nhà xuất bản (NXB) tranh nhau in truyện chương như An Hưng, An Thành, Bùng Sóng, Đại Hưng, Đông Hưng, Đông Phương, Hương Hoa, Quyền Sóng, Vui Sóng, Vân Thành, Sông Hữu, Sông Xanh, Trung Thành, Trường Giang, Thành Phương, Thời Đại, Thế kỷ, Tổ Hợp Tiên, Tổ Hợp Sóng ...

Có năm NXB in 5 bộ chương của Ngọa Long Sinh, trong đó có bộ dài tới 2.000 trang ; có ít nhất 6 NXB in sách chương của Gia Cát Thanh Vân. Trong hơn 10 bộ sách chương của cây bút này, có bộ *Tứ hải quần hùng* dài hơn 1.300 trang, bộ *Đoạt hồng kỳ* dài hơn 1.500 trang. Không hề kém cạnh, sách chương của Cổ Long được 4 NXB in khoảng 11 bộ, cộng chung lại gần 40 tập, tròn tròn 13.000 trang ! Nổi bật hơn cả là truyện chương Kim Dung, đạt mức kỷ lục : hơn 20 bộ, trong đó *Cô gái Đồ Long*, gồm 6 tập với 2.370 trang ; *Lục mạch thần kiếm* (8 tập) cộng lại tới 2.400 trang ; *Anh hùng xạ điêu* cũng 8 tập với 2.820 trang, còn *Tiểu ngạo giang hồ* có tới 15 tập với ngót 3.000 trang.

Từ khi thể loại truyện chương tràn

ngập Sài Gòn – Chợ Lớn, lập tức xuất hiện một "guồng máy dịch thuật" : Từ Khánh Vân, Từ Khánh Phụng, Thương Lang, Phan Cảnh Trung, Hàn Giang Nhạn, Phương Thảo, Khuru Văn, Dương Quân, Quần Ngọc, Lão Sơn Nhân, Điền Trung Tử, Lã Phi Khánh ... Phan Cảnh Trung dịch ít nhất 10 bộ chương của 6 tác giả, in ở 5 NXB, trong đó chỉ từ năm 1969 đến 1973, riêng Thương Lan đã dịch không dưới 62 bộ chương của 5 tác giả, in ở 5 NXB khác nhau, còn Hàn Giang Nhạn thì dịch ít nhất 25 bộ truyện chương, in ở 5 NXB (riêng sách chương Kim Dung là 14 bộ gồm 102 tập với ngót 25.000 trang) ! Đặc biệt, riêng bộ *Ý thiên Đồ Long* (tức Cô gái Đồ Long) của Kim Dung do Từ Khánh Phụng dịch (NXB Trung

Thành – 1966) thu hút hàng trăm ngàn độc giả thuộc mọi tầng lớp.

Bên cạnh việc tranh nhau phóng tác, in truyện chương, cải biên truyện chương thành truyện tranh, viết truyện chương ... giả, người ta còn bày ra những cuộc đàm luận, tranh cãi, phân tích, phê bình truyện chương, thậm chí một số nhà văn, nhà thơ, nhà báo ghiền truyện kiếm hiệp đến độ đã không ngần ngại lấy tên các nhân vật võ lâm làm bút danh như Lê Tất Điều (*Kiều Phong*), Nguyễn Sa (*Hư Trúc*), Chu Tử (*Kha Trần Ác*) ... Các cao thủ võ lâm trong truyện chương Kim Dung như Lệnh Hồ Xung, Hoàng Dục Sư, Trương Vô Kỵ, Dương Quá, Đông Phương Bất Bại, Cửu Thiên Nhận, Âu Dương Phong, Vi Tiểu Bảo, Nhạc Bất Quần, Quách Tĩnh, Châu Bá

Thông, Vương Trùng Dương ... được giới trẻ coi như thần tượng, hoặc như những anh hùng hảo hán. Những tên nhân vật, chiêu thức võ công, ai cũng phải nằm lòng để không bị chê là ... lạc hậu ! Hai bộ chưởng *Xác chết loạn giang hồ* và *Lệnh xé xác* (dịch giả Lã Phi Khanh) luôn là vật bất ly thân, là sách "gối đầu giường" của không ít tay anh chị giang hồ thời đó.

Chưa hết, từ khi truyện chưởng Kim Dung xuất hiện, khắp hang cùng ngõ hẻm ở Sài Gòn – Chợ Lớn, đi đâu cũng nghe những "tiếng lóng" nhuộm màu sắc võ lâm như : "Thằng cha đó bị *tẩu hỏa nhập ma*" ; "Cà chớn là tao cho *một chưởng*" ; "Có cô gái *Đồ Long* lắc bầu cua, lắc một cái ra ba con gà mái" ; "Gã đó chơi *ma giáo*" ; "Cái bang đại hiệp" ; "Ông này *công*

phu thương thừa, đao thương bất nhập" hoặc Nhất dương chỉ, Nhị thiên đường, Tam Tông Miếu, Tứ đồ tường, Ngũ vị hương, Lục tào xá ... Do sách, báo in tràn ngập truyện kiếm hiệp, đầy đầy chiêu thức kỳ ảo, quái đản, bí hiểm như Ma Vân Chưởng, Hàn Băng Chưởng, Thất Thương Quyền, Hàm Mô Công, Giáng Long Thập Bát Chưởng, Nhất Dương Chỉ, Lãng Ba Vi Bộ ... dẫn đến sự bùng nổ trào lưu thanh thiếu niên ùn ùn "tâm sư học đạo". Một số võ đường dạy võ cổ truyền đang lèo tèo dăm bảy môn sinh, bỗng chốc học trò kéo đến nườm nượp xin thọ giáo, thầy tha hồ hốt bạc. Một số lò võ còn trưng bảng chiêu sinh thường kèm luôn mấy chữ "Thiếu Lâm, Nga Mi, Võ Đang, Côn Lôn" cho có màu sắc ... kiếm hiệp !

"Hội chứng truyện chương Kim Dung" ở miền Nam VN trước 1975 không chỉ mê hoặc bọn du đãng, cướp giết ở Sài Gòn – Chợ Lớn mơ tưởng luyện thành tuyệt kỹ *Bích hổ du tường* (thần lẩn leo tường) nhằm dễ bề leo rào khoét vách, ôm mộng học được công phu *Thủy thượng phiêu* (chạy trên mặt nước) như nhân vật Cửu Thiên Nhận trong *Anh hùng xạ điêu* hòng thoát thân cho lẹ nếu chẳng may bị cảnh sát rượt, mà còn lan sang giới chính khách. Do quá nhập tâm truyện chương Kim Dung, lúc thảo luận, tranh luận, tọa đàm về đường lối kinh tế, ngoại giao, chính sách kinh tế, xã hội, an sinh ... họ đều viện dẫn lý lẽ dựa trên các sự kiện, nhân vật ... võ lâm trong truyện chương ! Không chỉ "đi sâu vào thế giới Kim Dung", nhiều

người còn bỏ công sức, tiền của tổ chức các buổi "loạn đàm" về tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung và sản phẩm của họ không chỉ là các bài báo lẻ tẻ mà có khi là sách, là công trình chuyên khảo về truyện chương Kim Dung hẳn hoi như *Vô Kỵ giữa chúng ta* của Đỗ Long Vân (NXB Trình Bày – 1968) ; *Nội bản khoãn của Kim Dung* (Nguyễn Mộng Giác, NXB Văn Mới – 1972).

Một vài hãng phim ở Sài Gòn thấy đề tài kiếm hiệp "ngon ăn", vội nhảy vào khai thác ; sau *Báu kiếm rửa hận thù*, xuất hiện phim *Quái nữ Việt quyền đạo* do hãng Mỹ Vân thực hiện (đạo diễn Lê Mộng Hoàng, kịch bản Lê Khanh) với bốn "quái nữ" gồm Thanh Nga, Lệ Hoa, Á hậu Ngọc Tuyết, Ngọc Dung cùng Thanh Việt,

Văn Chung, Khả Năng, Thanh Hoài, Kim Ngọc, Kim Cúc, Năm Châu, chỉ đạo võ thuật : Lý Huỳnh ; *Long hổ sát đấu* do hãng phim Cửu Long thực hiện (chỉ đạo võ thuật là võ sư Hồng Kông Hàn Anh Kiệt và Lý Huỳnh) với các nghệ sĩ Trần Quang, Hoàng Long, Việt Hùng, Bạch Lan Thanh, Ngọc Đan Thanh, Ba Vân, Lý Huỳnh ...

(Ngọc Thiên, báo Kiến Thức Ngày Nay số 778, trang 90-92,101)

Chuyện sách vở trước 1975 có những lúc sinh động như thế. Hiện nay, dù tình hình sách in có bị sách điện tử lấn sân, nhưng cũng có lúc sôi động không kém, bằng chứng là Hội sách vừa qua với số thống kê thật phấn khởi :

Một góc nhìn từ Hội sách

Hội sách Tp.HCM lần 7 – 2012 đã

chính thức khai mạc tại công viên Lê Văn Tám vào lúc 19g30 ngày 19/3/2012 vừa qua. Đây là ngày chờ đợi của tất cả những người ham thích đọc sách già trẻ lớn bé, và cũng như mọi năm, người Sài Gòn và các vùng lân cận đã có mặt ngay từ sáng sớm để tranh thủ dịp tha hồ được rảo qua một vòng các gian hàng bày bán sách trong một khuôn viên rộng lớn đến gần 6 hecta.

Hội sách được tổ chức với quy mô lớn hơn nhiều so với những năm trước, có sự tham gia của 161 đơn vị với gần khoảng 500 gian hàng trưng bày đẹp đẽ, tập trung khoảng 200 ngàn tên sách với khoảng 20 triệu bản sách từ khắp nơi trên toàn quốc đổ về. Thông tin sơ khởi cho biết, chỉ trong ngày đầu tiên đã có tới hơn 80.000

lượt người đến xem.

Cảm nhận đầu tiên là về sự phong phú và tính đa dạng của các thể loại – đề tài sách như một hình thức "trăm hoa đua nở", với đủ các loại sách từ tiểu thuyết giải trí hấp dẫn cho tới sách giáo khoa và các loại sách biên khảo khô khan về triết học, văn hóa, lịch sử ..., cho thấy rõ chiều hướng phát triển mạnh mẽ và cơ bản là lành mạnh của ngành xuất bản Việt Nam hiện nay. Tính phong phú đa dạng về nội dung này chắc chắn sẽ còn giúp cho người Việt Nam gạt rửa được dần dần những tập quán – tư tưởng lạc hậu lỗi thời trong quá khứ.

Nói tới hội sách là nói tới mục đích tôn vinh nền văn hóa đọc, có được và trở thành truyền thống 2 năm một lần

là nhờ thiện chí, sáng kiến, nỗ lực và tài tổ chức của một số người làm công việc xuất bản – phát hành sách trước đây, kể từ hội sách Tp.HCM lần đầu tiên năm 1998.

Thói quen đọc sách (đã) bị suy giảm ... con người ngày càng thực dụng và chộp giựt hơn trong nền kinh tế thị trường ; đời sống kinh tế khó khăn ; cách giáo dục nhồi nhét trong nhà trường từ tiểu học đến đại học (nhất là đại học) không khuyến khích sự tự học, tự nghiên cứu bằng việc đọc sách, đến mức độ ngay cả giáo viên đại học phần lớn cũng chỉ đọc quanh quẩn trong mấy cuốn "cẩm nang" để dạy ... Ngoài ra, còn một lý do rất thời đại và chủ yếu, đó là việc đọc sách điện tử trên mạng Internet thay cho việc đọc sách trên giấy. Ngay như

bộ bách khoa toàn thư nổi tiếng *Encyclopaedia Britannica* có bề dày lịch sử 244 năm của Anh cũng đang sắp bị khai tử vì lý do Internet với những website từ điển trực tuyến. Người ta nhận định rằng thời đại số hóa đã đẩy bộ bách khoa này cũng như nhiều loại sản phẩm in khác lùi về quá khứ.

Trong một tình trạng bề ngoài có vẻ bi đát như vậy, sự thành công của Hội sách Tp.HCM lần 7 này dường như là một cố gắng chứng minh ngược lại, hết sức đáng được hoan nghênh. Bởi vì, trước mắt chứ chưa chắc lâu dài, nó chứng minh được nét đẹp trong nền văn hóa đọc của một dân tộc ngàn năm văn hiến, đồng thời cũng cho thấy người Sài Gòn, trong bối cảnh cuộc sống khó khăn phức tạp, không ít

người vẫn còn chịu tìm đến những cái hay cái đẹp trong sách vở, và vì thế vẫn còn nhiều hy vọng.

(Xuân Huy, báo CG&DT số 1850, tr.9)

Bế mạc hội sách Tp.HCM lần 7 – 2012 : Bán hơn 4,8 triệu cuốn sách

Tối qua 25/3, Hội sách Tp.HCM lần 7 - 2012 bế mạc sau một tuần hoạt động với tổng doanh thu 30 tỉ đồng, bán ra hơn 4,8 triệu cuốn sách và đón hơn 850.000 lượt người, đáng kể hai ngày cao điểm 24 và 25/3 có hơn 300.000 lượt bạn đọc tham quan và mua sách. So với hội sách lần thứ 6 (2010), lần này tổng doanh thu tăng 150%, tổng số lượng sách bán ra tăng 120%, tổng số lượt người tham dự tăng 20%. Các tựa sách bán chạy nhất thống kê vào giờ bế mạc là : 1. *Ai và Ky ở xứ sở những con số tàng hình*

của Ngô Bảo Châu + Nguyễn Phương Văn : 10.000 cuốn ; 2. *Cung đường vàng nắng* của Dương Thụy : 7.000 cuốn ; 3. *Tôi tài giỏi bạn cũng thế* của Adam Khoo : 5.000 cuốn ; 4. *Hồi ký Tâm "Sida"* của Trương Thị Hồng Tâm : 5.000 cuốn ; 5. *Đắc nhân tâm* của Dale Carnegie, Trí Việt biên dịch : 4.000 cuốn ; 6. *Ngược chiều vùn vút* của Joe Ruelle : 3.500 cuốn ; 7. *Lolita* của Vladimir Nabokov - Dương Tường dịch : 2.500 cuốn ; 8. *Lá nằm trong lá* của Nguyễn Nhật Ánh : 2.500 cuốn ; 9. *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* của Nguyễn Nhật Ánh : 2.300 cuốn, NXB : Trẻ ; 10. *Những thiên thần trên đường phố* của Mã Thiện Đồng : 2.000 cuốn. Hội sách Tp.HCM lần thứ 8 sẽ tổ chức vào giữa năm 2014. (*Giao Hưởng, báo Thanh Niên ngày 26/3/2012*)

Sách gần gũi, thân thương như vậy nên chắc chắn có ảnh hưởng lớn trong quá trình hình thành nhân cách của bạn đọc. Tục ngữ Việt Nam có câu "*Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài*", tiếp cận hay sống trong môi trường văn hóa nào thì sẽ hình thành nhân cách theo những nét văn hóa đó mà sách tốt chính là văn hóa phi vật thể. Người ta cũng nói : "*Anh cho tôi biết anh đọc sách nào, tôi sẽ cho anh biết anh là ai*". Như vậy thì không ai có thể phủ nhận ảnh hưởng của sách trên người đọc. Có điều đáng tiếc là không phải tất cả các sách đều đúng đắn, chính xác và tốt lành cả. Bên cạnh những sách tốt, luôn luôn có mặt những sách xấu xa, lệch lạc mà chúng ta gọi chung là những tác phẩm đồi trụy. Giống như câu chuyện dụ ngôn về lúa

và cỏ lùng trong Thánh Kinh Tân Ước : *"Chúa Giêsu lại dạy một dụ ngôn khác mà rằng : Nước Trời giống như người kia gieo giống tốt trong ruộng mình, nhưng lúc mọi người ngủ thì có kẻ thù đến gieo cỏ lùng lẫn với lúa rồi đi. Khi lúa lớn và trở bông thì cỏ lùng cũng xuất hiện ..."* (Tin Mừng theo thánh Mátthêu, đoạn 13 câu 24-26).

Tình trạng "vàng thau lẫn lộn" của thị trường sách là điều khó tránh khỏi, vì "bá nhân bá tánh", mỗi tác giả có những hiểu biết khác nhau, có những cảm nhận khác nhau, có những chủ trương khác nhau, tất cả những cái đó đều được thể hiện trên những tác phẩm họ phổ biến : "văn tức là người". Một điều đáng nói nữa là kẻ viết ra một đàn, người áp dụng nó lại vận dụng vào lối khác dẫn tới những hậu

quả nghiêm trọng ngoài ý muốn của người viết. Ai biết "gạn đục khơi trong" thì sẽ thành người tốt, còn ai để cho những tư tưởng lệch lạc, xấu xa cuốn hút, thì sẽ trở thành người xấu. Adolf Hitler (1889-1945), Quốc trưởng Đức Quốc Xã, đã chịu ảnh hưởng sâu đậm từ thuyết siêu nhân của triết gia Friedrich Nietzsche (1844-1900), nên đã gây ra thế chiến thứ II vô cùng khốc liệt (67 triệu người chết, hàng trăm triệu người bị thương tật, cơ sở vật chất bị tàn phá không thể tính nổi ...).

Bên cạnh những ảnh hưởng tiêu cực như trên, thì cũng có muôn vàn bằng chứng về ảnh hưởng tích cực từ một cuốn sách. Ignatiô Loyola là một thí dụ điển hình : Ông là một sĩ quan thuộc giới quý tộc Tây Ban Nha thời

trung cổ (thế kỷ 16) – Trong một trận chiến với quân Pháp, ông bị thương nặng, phải nằm viện. Để giết thời gian, ông sai cận vệ về lấy sách cho ông đọc, tên cận vệ đã đem cho ông cuốn "La Vie de Jésus", ông đã đọc đi đọc lại, bởi vì ông bị cuốn hút bởi nhân vật Jésus Christ – cuối cùng khi xuất viện, ông đã bỏ binh nghiệp, đi tu làm môn đệ Chúa Giêsu và sáng lập Dòng Tên (Jesuites), đi truyền giáo khắp thế giới.

Chúng ta cũng không thể không nhắc tới những cuốn sách làm đảo lộn thế giới. Một loạt Harry Potter của nhà văn nữ 46 tuổi, người nước Anh – J.K Rowling, đã khiến hàng triệu thanh thiếu niên trên thế giới thất điên bát đảo, có những bạn trẻ thức dậy từ 3, 4 giờ sáng tới địa điểm phát hành, xếp

hàng từ tinh mơ, chờ 5, 7 tiếng đồng hồ để sở hữu 1 cuốn Harry Potter mới phát hành.

Báo Thánh Niên ngày 26/2/2012 đưa tin, bà J.K Rowling sắp ra mắt tác phẩm mới, bà nói : "*... như món quà đáp lại thành công của Harry Potter đã mang lại cho tôi*" (Đ.T theo Reuters – Báo Thánh niên 26/2/2012). Lùi xa hơn một chút, vào cuối thế kỷ 19, bùng nổ trái bom : "thuyết Tiến Hóa", manh nha từ tác phẩm "La Philosophia Zoologique – (1809)" của Jean Baptista La Marck (Pháp, 1744-1829), và được đẩy mạnh bởi "tên lửa" Charles Robert Darwin (Anh, 1809-1882), với tác phẩm "đình đám" De L'Origine des espèces par voie de Sélection naturelle" (1859) – (On the Origin of species). Dư chấn của những

tác phẩm này vẫn còn tới ngày nay. Karl Marx, triết gia, chính trị gia Đức (1818-1883) với tác phẩm "Đỉnh" : Le Capital (1867).

Hậu quả hiển nhiên của những tác phẩm trên là thế giới bị phân cực đối lập nhau : duy tâm và duy vật, chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản như chúng ta thấy hiện nay.

Chúng ta chiêm nghiệm những cuốn sách có ảnh hưởng lớn hơn, rộng rãi hơn, xa xưa nữa và sức bền chắc chắc sẽ lâu dài hơn nữa – đó là những bộ sách làm cơ sở, căn bản cho những tôn giáo lớn trên thế giới :

- Bộ Đạo Đức Kinh của Lão giáo.
- Bộ Tam Tạng của Phật giáo.
- Bộ Tứ Thư, Ngũ Kinh của Khổng giáo.

- Bộ Veda của Ấn giáo.
- Bộ Koran của Hồi giáo.
- Và bộ Thánh Kinh của Công giáo cũng như của Do Thái giáo, Chính Thống giáo, Anh giáo và các hệ Tin Lành giáo.

Xin minh định trước là đối với những tác phẩm trên, người viết chỉ ghi nhận dưới khía cạnh hiện tượng xã hội và văn hóa, còn việc nhận định, lượng giá thì khách quan thuộc thẩm quyền của các vị lãnh đạo tối cao các tôn giáo, hoặc chính tác giả hay những nhà phê bình uyên bác và uy tín, chủ quan là do đức tin, lý trí phân biện sắc bén, lương tâm ngay thẳng, trong sáng và cảm nhận của mỗi người, không thể có sự áp đặt dù trên phương diện tư tưởng thuần túy.

II. NHỮNG BỘ KINH VĨ ĐẠI

A. LÃO TỬ ĐẠO ĐỨC KINH

Tên bộ sách khoảng 5000 chữ tương truyền do Lão Tử viết để lại trước khi đi ở ẩn. Kinh này viết thành chương, dài, ngắn, nhiều, ít không đều nhau. Lời rất súc tích, uyên thâm, trình bày tư tưởng triết học của Lão Tử. Có thể nói đây là hệ thống triết học Trung Quốc đầu tiên – khoảng giữa đời Xuân Thu và Chiến Quốc, bàn về bản thể của vũ trụ và vạn vật, được Lão Tử gọi là Đạo. Đạo là nguyên lý sinh ra vũ trụ và vạn vật theo những quy luật có tính biện chứng : âm dương, động tĩnh, cương nhu, lớn nhỏ ... như thế, con người muốn sống tốt đẹp phải hòa đồng với Đạo, nghĩa là không chống lại trật tự thiên nhiên bằng thái độ vô vi thanh

tĩnh, khác với tư tưởng hữu vi của Khổng giáo, có tính cách can thiệp vào diễn biến tự nhiên của vũ trụ và nhân sinh, chỉ gây ra tác động ảnh hưởng tới thực tại sống mà thôi. Tuy nhiên, do văn từ của Lão Tử Đạo Đức kinh rất uyên ảo, nên đời sau có nhiều diễn giải khác biệt về tư tưởng của Lão Tử, đẩy đến những suy diễn có tính tiêu cực và thụ động, có thể không thích hợp cho đà tiến bộ của con người. *(Nguyễn Văn Thoa, giáo sư Hán Nôm, viết theo tự điển Từ Hải)*

B. TAM TANG KINH ĐIỂN

Trong 49 năm truyền giảng con đường giải thoát, Đức Phật thu nhận rất nhiều đệ tử, có người xuất gia theo ngài và lập thành Tăng đoàn (Sangha), có người cũng còn tại gia, gọi là các cư sĩ. Vùng truyền giáo của ngài là

vùng Đông Bắc Ấn Độ giáp biên giới xứ Nepal, dọc theo các nhánh sông thượng nguồn sông Gange (Hằng hà) [1, 2, 3].

Ngài thường được gọi là Đức Phật Cồ Đàm (Buddha Gotama). Chữ "Phật" là tiếng gọi tắt của "Phật Đà", phiên âm từ chữ Phạn "Buddha" - người bình dân Việt Nam có nơi gọi là ông Bụt - nghĩa là người đã giác ngộ (Giác Giả) . Trong các kinh sách ghi lại, ngài thường tự gọi mình là Tagatatha (N hư Lai). Ngài có rất nhiều đệ tử từ các quốc gia trong vùng, gồm đủ mọi thành phần trong xã hội, lứa tuổi, nam nữ, và từ nhiều nguồn gốc tín ngưỡng khác nhau.

Đức Phật đã để lại một kho tàng quý giá gồm nhiều bài thuyết giảng (Kinh,

Sutta), thường được gọi tổng quát là "tám vạn bốn ngàn" pháp môn, trong nhiều dịp giảng dạy cho hàng đệ tử, bậc hiền nhân quân tử, cư sĩ, ... Với sự phát triển và bành trướng của Tăng đoàn, Ngài đặt ra nhiều giới luật để tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tu tập (Vinaya, Giới). Ngoài ra còn nhiều bài giảng đặc biệt khác mà về sau này được đúc kết lại trong bộ A Tỳ Đàm (Abhidhamma).

✓ Tam Tạng Kinh Điển

"Tạng" hay "Tàng" là giỏ chứa, chỗ chứa, tiếng Pali gọi là Pitaka. Ngày xưa tại các chùa lớn thường có một thư viện gọi là "Tàng Kinh Các" để lưu trữ các bộ kinh quý. Tam Tạng theo tiếng Pali gọi là Tipitaka, Ba Giỏ Chứa (The Three Baskets), gồm có

Luật Tạng (Vinaya Pitaka), Kinh Tạng (Sutta Pitaka), và Thắng Pháp Tạng (Abhidhamma Pitaka, còn gọi là Vi Diệu Pháp, hay Luận Tạng). Sau đây là sơ lược về các tạng này :

1. Luật Tạng (Vinaya Pitaka)

Tạng này bao gồm các giới luật và nghi lễ cho nam tu sĩ (Bhikkhu, Tỳ khuru) và nữ tu sĩ (Bhikkhuni, Tỳ khuru ni), cách thức gia nhập tăng đoàn, truyền giới luật, sinh hoạt tăng chúng, cách hành xử trong các trường hợp vi phạm giới luật, ... Tạng này thường được chia làm 5 bộ [1, 7] :

- a. Ba-la-di (Parajika),
- b. Ba-dật-đề (Pacittiya),
- c. Đại Phẩm (Mahavagga),
- d. Tiểu Phẩm (Cullavagga), và
- e. Toát Yếu (Parivara).

2. Kinh Tạng (Sutta Pitaka)

Gồm 5 bộ chính (Nikaya): Trường Bộ (Digha Nikaya), Trung Bộ (Majjhima Nikaya), Tương Ứng Bộ (Samyutta Nikaya), Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikaya), và Tiểu Bộ (Khuddaka Nikaya). Trong hệ Sanskrit (Bắc Phạn), các bộ này được gọi là các bộ A Hàm (Agamas). Tuy nhiên, các bộ A Hàm nguyên thủy đã bị thất lạc và chỉ còn tìm thấy các bản kinh tiếng Sanskrit rời rạc, mà hiện nay chỉ còn các bộ Hán dịch từ nhiều nguồn gốc bộ phái và qua nhiều đời khác nhau [6].

- a. **Trường Bộ** là tập hợp các bài kinh dài, gồm 34 bài kinh, đã được dịch sang Việt ngữ, trong đó có hai quyển phổ thông nhất :

Kinh Đại Bát Niết Bàn (Maha Parinibanna Sutta) và Kinh Đại Quán Niệm (Maha Satipattana Sutta). Ngoài các bài thuyết giảng của Đức Phật, Bộ này cũng có các bài giảng của Đại Đức Sariputta (Xá Lợi Phất), vị đệ tử hàng đầu có tài thuyết giảng hùng biện nhất thời đó, và các vị đệ tử nổi tiếng khác.

- b. **Trung Bộ** gồm có 152 bài kinh sắp xếp trong 15 phẩm, theo từng chủ đề. Bộ kinh này rất phổ thông trong giới Phật tử sử dụng Anh ngữ và cũng đã được dịch sang Việt ngữ. Bản dịch Anh ngữ được hiệu chỉnh nhiều lần, và bản dịch mới nhất đã được hội Buddhist Publication Society, Tích Lan, xuất bản năm 1995.

Các bài kinh quan trọng thường có liên quan đến phép hành thiền quán niệm (Satipattana Sutta), chính kiến (Sammaditthi), cách tịnh tâm (Kakacupama), cuộc đời Đức Phật (Ariyaparyesana), tứ diệu đế (Mahahatthipadopama), không tính (Culasunnata), quán niệm hơi thở (Anapanasati), ... Có thể nói đây là một bộ kinh quan trọng nhất, bao gồm các bài giảng thiết yếu trên đường tu tập, thực hành lời Phật dạy.

- c. ***Tương Ứng Bộ*** gồm 2.889 bài kinh ngắn, chia làm 5 chương và 56 phẩm. Đây là tập hợp các bài kinh có chủ đề giống nhau về một điểm thảo luận, hoặc về một nhân vật nào đó trong thời Đức Phật. Có những bài giảng quan

trọng về 12 nhân duyên và về 37 phân bồ đề (37 phẩm trợ đạo).

- d. **Tăng Chi Bộ** là bộ kinh dựa theo cách sắp xếp số học (pháp số), từ các chủ đề có liên quan đến 1 phần tử, 1 yếu tố, dần dần lên đến các chủ đề có 11 phần tử hay yếu tố. Vì vậy, bộ kinh được chia làm 11 chương, gồm 2.308 bài kinh.
- e. **Tiểu Bộ** thật ra không phải là bộ sách nhỏ, mà là tập hợp 15 bộ sách nhỏ :
- Tiểu Tụng, Khuddaka Patha
 - Pháp Cú, Dhammapada
 - Phật Tự Thuyết, Udana
 - Như Thị Ngữ (Phật Thuyết Như Vậy), Itivuttaka
 - Kinh Tập, Sutta Nipata
 - Thiên Cung Sự, Vimana

Vatthu

- Ngạ Quỷ Sự, Peta Vatthu
- Trưởng Lão Tăng Kệ, Theragatha
- Trưởng Lão Ni Kệ, Therigatha
- Bốn Sanh, Jataka
- Nghĩa Thích, Niddesa
- Vô Ngại Giải Đạo, Patisambhidamagga
- Thí Dụ, Apadana
- Phật Sử, Buddhavamsa
- Sở Hạnh Tạng, Cariya Pitaka

3. Thắng Pháp Tạng (Abhidhamma Pitaka)

Còn gọi là Vi Diệu Pháp hay Luận Tạng, đây là tập hợp các bài giảng của Đức Phật về thể tính và sự tướng của vạn pháp, phân giải triết học và tâm lý học. Thắng Pháp Tạng gồm có 7 quyển :

- a. Pháp Tụ (Dhammasangani)
- b. Phân Biệt (Vibhanga)
- c. Giới Thuyết (Dhatukatha)
- d. Nhân Thi Thiết (Puggala Pannatti)
- e. Biện Giải (Kathavathu)
- f. Song Luận (Yamaka)
- g. Nhân Duyên thuyết (Patthana).

4. Các thánh điển trọng yếu khác :

Ngoài Tam Tạng Kinh Điển còn có các bộ Chú Giải, Phụ Chú Giải Kinh Điển và một số các tác phẩm Pali quan trọng khác cũng được học tập và lưu truyền cho đến ngày nay :

- a. Đảo Sử (Dipavamsa)
- b. Đại Sử (Mahavamsa)
- c. Tiểu Sử (Culavamsa)
- d. Mi Lan Đa vấn đạo (Milindapanha)

- e. Thanh tịnh đạo luận (Visuddhi Magga)
- f. Thắng pháp tập yếu luận (Abhidhammattha Sanghaha)

✓ **Đại Tạng Việt Ngữ**

Mặc dù Phật Giáo là một tôn giáo lớn ở Việt Nam và đã có mặt lâu đời tại đất nước ta trên 18 thế kỷ, cho đến nay chúng ta vẫn chưa có một bộ Tam Tạng đầy đủ bằng chữ Việt. Điều này đã được ghi nhận từ đầu thập niên 1950 [5], mà đã 40 năm qua, công tác dịch thuật vẫn chưa hoàn tất. Thật ra, công trình dịch thuật sang chữ quốc ngữ từ các kinh điển Hán tạng bắt đầu trong thập niên 1930 với nhiều vị danh tăng và học giả trong các phong trào phục hưng Phật Giáo và chấn hưng Phật học [11].

Một chương trình phiên dịch và ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam đã được tiến hành trở lại từ năm 1989, dựa trên các bộ chữ Pali và chữ Hán. Đến nay (1998), Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam đã phát hành Trường Bộ (Trường A Hàm), Trung Bộ (Trung A Hàm), Tương Ưng Bộ (Tạp A Hàm), Tăng Chi Bộ (Tăng Nhất A Hàm) bằng Việt ngữ, cùng với các quyển trong Tiểu Bộ : Kinh Tập, Pháp Cú, Như Thị Ngữ, Phật Tự Thuyết, Trưởng Lão tăng Kệ, Trưởng Lão Ni Kệ, Bốn Sanh, ...

Hệ phái Nguyên Thủy (Nam Tông) Việt Nam đã ấn hành các bộ Vi Diệu Pháp do Hòa thượng Tịnh Sự dịch. Bộ Luật cơ bản đã được dịch từ các bản chữ Hán (Luật Tứ Phần Giới Bốn Như Thích, HT Hành Trụ dịch). Các quyển

Thanh Tịnh Đạo (Ni sư Trí Hải dịch),
Thắng Pháp Tập Yếu Luận (HT Minh
Châu dịch) và Mi Lan Đa Vấn Đạo
(Mi Tiên Vấn Đáp, HT Giới Nghiêm
dịch) cũng đã được xuất bản trong
những năm gần đây. Thêm vào đó,
vào cuối năm 2005, Tỳ khưu
Indacanda đã hoàn tất công tác dịch
thuật toàn bộ Tạng Luật từ nguồn Pali.

Ghi chú : Toàn bộ kinh điển Pali ngữ và bản
dịch Anh ngữ đã được Hội Kinh Điển Pali
(Pali Text Society) lần lượt xuất bản trong
100 năm qua. Xin xem bài giới thiệu bằng
Anh ngữ tại :

[http://zencomp.com/greatwisdom/ebud/ebsut
028.htm](http://zencomp.com/greatwisdom/ebud/ebsut028.htm)

Tham Khảo :

[1] Narada Mahathera (1980), The Buddha
and His Teachings, Buddhist Publication

- Society, Sri Lanka (Đức Phật và Phật Pháp, bản dịch Việt ngữ của Phạm Kim Khánh)
- [2] Thích Nhất Hạnh (1992), Đường Xưa Mây Trắng, Lá Bối, France
- [3] Sister Vijira and Francis Story (1988), The Maha Parinibbana Sutta, Buddhist Publication Society, Sri Lanka
- [4] Bodhesako (1984), Beginnings: The Pali Suttas, Buddhist Publication Society, Sri Lanka
- [5] Thích Đức Nhuận (1983), Phật Học Tinh Hoa, Phật Học Viện Quốc Tế, USA
- [6] Christmas Humphrey (1962), Buddhism, Penguin Books, UK
- [7] Russell Webb (1991), An Analysis of The Pali Canon, Buddhist Publication Society, Sri Lanka
- [8] Thích Chơn Thiện (1991), Tăng Già Thời Đức Phật, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, Vietnam
- [9] Phạm Kim Khánh (1997), Hành Hương Xứ Phật, Trung Tâm Narada, Seattle, USA
- [10] H.W. Schuman, The Historical Buddha (Đức Phật Lịch Sử, bản dịch Việt ngữ của

Trần Phương Lan, Viện Nghiên Cứu Phật Học, Sài Gòn, 1997).

[11] Nguyễn Lang (1985), Việt Nam Phật Giáo Sử Luận, Tập 3, Lá Bối, France.

(Tài liệu từ Internet : Bình Anson, Mùa Phật Đản 1995, Perth, Western Australia. Bổ sung tháng 4/2006)

Phụ chú :

KINH ĐIỂN ĐẠI THỪA (MAHAYANA, BẮC TÔNG)

Kinh điển Đại Thừa xuất hiện về sau này, vào khoảng đầu Công nguyên (CN) – 300 đến 700 năm sau ngày Phật nhập Đại Niết bàn, không rõ nguồn gốc xuất xứ với nhiều giả thuyết khác nhau, không biết do ai kết tập vào thời kỳ nào, ban đầu là vài bộ kinh ngắn rồi dần dà xuất hiện các bộ lớn hơn với văn phong không đồng nhất, và ngày nay cũng không còn

nguyên bản trọn vẹn. Một số đã được dịch sang chữ Hán và chữ Tây Tạng qua nhiều thời kỳ khác nhau bởi nhiều dịch giả thuộc những tông phái khác nhau, và được lưu truyền đến ngày nay. Một số kinh điển Hán tự khác thì lại không có nguồn gốc rõ ràng, mặc dù lấy danh là lời Phật dạy nhưng có lẽ đã được trước tác tại Trung Hoa trong thời kỳ Phật giáo mới được phát triển tại đó.

Kinh điển Đại Thừa là một tập hợp các bài giảng của Đức Phật, các luận giải của tăng sĩ, và ngữ lục của các tổ sư. Ngoài tạng **Luật** – trên cơ bản rất tương tự với tạng Luật Pali, còn có tạng **Kinh** gồm có các bộ A Hàm – dịch thuật từ nhiều nguồn khác nhau – và các kinh điển mới, và tạng **Luận** gồm các tác phẩm chú giải và luận

thuyết của các vị tăng sĩ Đại thừa về sau này. Có thể nói tính đa dạng và phong phú của kinh điển Đại thừa là kết quả của một sự dung nạp hỗn độn, không có hệ thống và tiêu chuẩn rõ ràng, các tài liệu về Phật giáo – hoặc có vẻ mang tính cách Phật giáo nhưng lại pha trộn các giáo thuyết khác – xuất hiện rải rác trong các thế kỷ đầu Công nguyên trong thời kỳ hình thành tông phái này.

Dưới đây là liệt kê sơ lược danh sách kinh điển Phật Giáo Đại Thừa [a,b] :

1. Trước thời Long Thọ (Nagarjuna, sơ tổ của Đại thừa Phật giáo, thế kỷ III CN) :

- Kinh Đại Phẩm Bát Nhã
- Kinh Tiểu Phẩm Bát Nhã

- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa
- Kinh Hoa Nghiêm
- Kinh Đại Vô Lượng Thọ
- Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội
- Kinh Duy Ma Cật

Trước tác của Ngài Mã Minh (Asvaghosa, đầu Công nguyên) :

- Phật Sở Hạnh Tán
- Đại Trang Nghiêm Luận
- Thập Bát Thiện Nghiệp Đạo
- Lục Thú Luân Hồi
- Sự Sư Pháp Ngũ Thập Tụng
- Ni Kiền Tử Vấn Vô Ngã Nghĩa
- Đại Tôn Địa Huyền Văn Bản Luận
- Đại Thừa Khởi Tín Luận

2. Thời Long Thọ (Nagarjuna), Đề Bà (Deva), Bạt Đà La (Bhadra) :

2.1 Ngài Long Thọ trước tác nhiều bộ luận, nhưng dịch sang Hán gồm :

- Trung Quán Luận
- Bồ Đề Tâm Ly Tướng Luận
- Thập Nhị Môn Luận
- Hồi Tránh Luận
- Đại Trí Độ Luận
- Phương Tiện Tâm Luận
- Thập Trụ Tỳ Bà Sa luận
- Khuyến Phát Chư Vương Yếu Kệ
- Thập Bát Không Luận
- Tán Pháp Giới Tụng
- Đại Thừa Phá Hữu Luận
- Quảng Đại Phát Nguyện Tụng
- Bồ Đề Tư Lương Luận

2.2 Ngài Đề Bà trước tác :

- Bách Luận
- Bách Tự Luận
- Quảng Bách Luận

2.3 Ngài Bạt Đà La trước tác :

- Chú Thích Trung Luận

3. Sau thời Long Thọ :

- Kinh Thắng Man
- Kinh Giải Thâm Mật
- Kinh Đại Bát Niết Bàn (Đại thừa Niết Bàn)
- Kinh Lăng Già

4. Thời Vô Trước (Asanga, thế kỷ IV-V CN) :

4.1 Trước tác của Ngài Di Lặc (Maitreya) :

- Du Già Sư Địa Luận
- Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luận
- Thập Địa Kinh Luận
- Trung Biên Phân Biệt Luận

4.2 Trước tác của Ngài Vô Trước (Asanga) :

- Hiền Dương Thánh Giáo Luận
- Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh Luận
- Nhiếp Đại Thừa Luận
- Thuận Trung Luận
- Đại Thừa A Tỳ Đạt Ma Tạp Luận

4.3 Trước tác của Ngài Thế Thân (Vasubandhu) thì rất nhiều, nhưng các bộ sau đây đã dịch sang Hán :

- A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận
- Nhiếp Đại Thừa Luận Thích
- A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Bản Tụng
- Thập Địa Kinh Luận
- Duy Thức Tam Thập Tụng
- Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu Bà Đề Xá
- Duy Thức Nhị Thập Tụng

- Vô Lượng Thọ kinh Ưu Bà Đề Xá
- Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận
- Chuyên Pháp Luân Ưu Bà Đề Xá
- Đại Thừa Ngũ Uẩn Luận
- Kim Cương Bái Nhã Ba La Mật Kinh Luận
- Phật Tính Luận
- Lục Môn Giáo Thọ Tập Định Luận

*(Tài liệu từ Internet :
Bình Anson, tháng 12/1998)*

Tham khảo :

[a] Giác Ngộ, số 126, tháng 08/1998.

[b] Thích Thanh Kiểm, 1995. Lược sử Phật giáo Ấn độ.

Tóm tắt : Tam tạng : 3 kho báu, thuật ngữ chỉ hệ thống kinh điển Phật giáo, gồm kinh là những lời dạy của Phật

suốt 49 năm thuyết giáo, được các đệ tử học thuộc rồi truyền miệng từ đời này sang đời kia. Sau khi Phật nhập diệt khoảng 2,3 thế kỷ mới được ghi chép lại thành sách. Luật là 5 điều răn của Phật đặt ra, các đệ tử phải giữ lấy để khỏi nhiễm tội lỗi và luận là 5 lời bình luận của các đệ tử uyên bác giải thích rõ ràng hơn lời Phật dạy. Sau này, khi truyền bá sang Trung Quốc, kinh điển này dịch ra chữ Hán, bổ túc thêm. Kinh, luật, luận được dịch qua các đời sau, hay các tổ sư Trung Quốc viết thêm và in lại thành tổng thể gọi là **Đại tạng**.

*(Nguyễn Văn Thoa, giáo sư Hán Nôm,
viết theo tự điển Từ Hải)*

C. BỘ TỬ THƯ NGŨ KINH, NỀN TẢNG CỦA KHÔNG GIÁO

Trong các trào lưu tư tưởng của

người Tàu tràn sang bên ta, có ảnh hưởng sâu xa đến dân tộc ta nhất là *Nho giáo*. Các sách làm gốc cho Nho giáo là Tứ thư và Ngũ kinh ; các sách ấy vừa là kinh điển của các môn đồ đạo Nho, vừa là những tác phẩm văn chương tối cổ ở nước Tàu. Vậy ta phải xét những bộ sách ấy trước. Thoạt tiên xét về bộ *Tứ thư* (bốn sách) gồm có Đại học, Trung dung, Luận ngữ và Mạnh tử.

1. Đại học

- ✓ Cuốn này là sách của bậc "đại học" cốt dạy cái đạo của người quân tử. Sách chia làm 2 phần :
 - Phần trên gọi là *Kinh*, chép lời đức Khổng Tử¹, có 1 chương ;

¹ *Khổng tử* (551-479), chính tên Khuru, người nước Lỗ (nay thuộc tỉnh Sơn Đông) trước làm quan Đại tư

- Phần dưới, gọi là *Truyện*, là lời giảng giải của Tăng Tử², là môn đệ của Khổng Tử có 10 chương.
- ✓ Mục đích của bậc đại học hay cái tôn chỉ của người quân tử, đã tóm ở câu đầu sách là : "Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân

khẩu (coi việc hình ở nước Lỗ), sau được cất lên nhiếp tướng sự. Sau vì vua Lỗ không muốn dùng Ngài, Ngài đi chu du các nước chư hầu (Vệ, Tống, Trần ...) trong 14 năm, nhưng không ông vua nào biết dùng Ngài. Ngài bèn trở về nước Lỗ dạy học trò, san định các Kinh, làm sách Xuân Thu để bày tỏ cái đạo của Ngài. Tuy Ngài không phải là người sáng lập ra Nho giáo vì như Ngài đã nói : "Thuật nhi bất tác", Ngài chỉ thuật lại đạo giáo của cổ nhân mà không sáng tác ra gì, nhưng Ngài đã có công lớn đem cái đạo của thánh hiền đời thượng cổ mà phát huy ra và lập thành hệ thống để truyền cho đời sau ; bởi thế Ngài vẫn được coi là ông tổ của Nho giáo.

² *Tăng Tử* : tên là Sâm, tự là Tử Dư, học trò của đức Khổng Tử.

dân, tại chỉ ư chí thiện", nghĩa là : cái đạo của người theo bậc đại học là cốt làm sáng cái đức sáng (đức tốt) của mình, cốt làm mới (ý nói cải hóa) người dân, cốt dừng lại ở cõi chí thiện. Vậy người quân tử trước phải sửa sang đức tính mình cho hay, rồi lo dạy người khác nên tốt, và lấy sự chí thiện làm cứu cánh.

- ✓ Mục đích đã như vậy, phương pháp phải thế nào ? phải sửa mình trước (*tu thân*), rồi mới chỉnh đốn việc nhà (*tề gia*), cai trị việc nước (*trị quốc*), và làm cho cả thiên hạ được bình yên (*bình thiên hạ*). Cái phương pháp ấy là tuần tự mà tiến, tự mình đến người ngoài, mà điều cốt yếu nhất là việc sửa mình, nên trong

Đại học có câu : "Tự thiên tử dĩ chí ư thứ dân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản". nghĩa là : Từ ông vua đến kẻ thường dân, ai nấy đều lấy việc sửa mình làm gốc.

- ✓ Nay muốn sửa mình, phải thực hành theo cách nào ? Trước hết phải *cách vật*, nghĩa là thấu lẽ mọi sự vật, rồi phải *trí tri*, nghĩa là biết cho đến cùng cực, *thành ý* nghĩa là ý phải cho thành thực, *chánh tâm* nghĩa là lòng phải cho ngay thẳng. Bốn điều ấy phải theo thứ tự kể trên mà tiến hành, có làm được điều trên mới làm được điều dưới. Làm được bốn điều ấy thì sẽ tu được thân, rồi tề được nhà, trị được nước và bình yên được thiên hạ, mà làm trọn cái đạo của người quân tử.

2. **Trung dung** – cuốn này gồm những lời tâm pháp³ của đức Khổng Tử do học trò ngài truyền lại, rồi sau Tử Tư là cháu ngài chép thành sách, gồm 33 chương.

"Ông Tử Tư dẫn những lời của Khổng Phu Tử đã giảng về đạo Trung dung. Ngài nói rằng : Trung hòa là cái tính tự nhiên của trời đất, mà trung dung là cái đức hạnh của người ta. Trung là giữa, không lệch về bên nào ; dung là thường, nghĩa là dùng đạo trung làm đạo thường⁴. Đạo Trung dung thì ai cũng có thể theo được, thế mà không mấy người chịu theo. Khác

³ *Tâm pháp* (tâm : lòng ; pháp : phép) là những điều đạo giáo thầy trò dạy bảo truyền thụ cho nhau.

⁴ *Trung dung* là đạo người quân tử ăn ở đúng mực, không thái quá, không bất cập. Chữ dung ở đây nghĩa là không thay đổi.

nào như ai cũng ăn uống cả, nhưng ít người ăn mà biết rõ mùi vậy. Chỉ có thánh nhân mới theo được mà thôi, vì theo đạo ấy cốt phải có ba cái đạt đức là *trí, nhân và dũng*. Trí là để biết rõ các sự lý, nhân là để hiểu điều lành mà làm, dũng là để có cái khí cường kiện mà theo làm điều lành cho đến cùng.

"Ông Tử Tư lại dẫn lời đức Khổng Phu Tử nói về chữ *thành* : "Thành là đạo Trời, học cho đến bậc thành là đạo người". Đạo người là phải cố gắng hết sức để cho đến bậc chí thành. Phải học cho rộng, xét hỏi cho kỹ, nghĩ ngợi cho sâu, biện biệt điều phải trái cho rõ, và dốc lòng làm điều thiện cho đến cùng. Hễ ai làm được như thế thì rồi ngu thành sáng, yếu thành ra mạnh, tức là dần dần lên đến bậc chí thành. Ở trong thiên hạ duy có bậc chí thành

tức là bậc thánh, thì mới biết rõ cái tính của Trời ; biết rõ cái tính của Trời, thì biết được rõ cái tính của người ; biết rõ cái tính của người, thì biết được rõ cái tính của vạn vật ; biết rõ cái tính của vạn vật thì khả dĩ giúp được sự hóa dục của trời đất và có công ngang với trời đất vậy ...

"Sách Trung dung nói cái đạo của thánh nhân căn bản ở Trời, rồi giải diễn ra hết mọi lẽ, khiến người ta phải giữ mình cho kính cẩn trong khi hành động và khi im lặng một mình. Suy cái lý ấy ra cho đến sự nhân nghĩa, để khiến cho cả thiên hạ được bình trị và lại tán dương cái công hiệu linh diệu của đạo ấy cho đến chỗ tinh thần vô thanh, vô sắc mới thôi. Thật là một quyển sách triết lý rất cao" (Trần Trọng Kim. *Nho giáo*, q.1, tr. 279-285).

3. Luận ngữ

- ✓ Luận ngữ (nghĩa đen là bàn nói) là cuốn sách chép các lời đức Khổng tử khuyên dạy học trò hoặc các câu chuyện ngài nói với những người đương thời về nhiều vấn đề (luân lý, triết lý, chính trị, học thuật) do các môn đệ ngài sưu tập lại. Sách ấy chia làm *hai quyển* (thượng, hạ) gồm có *20 thiên* (mỗi thiên lấy lại hai chữ đầu đặt tên). Các *chương* không có liên lạc hệ thống gì với nhau.
- ✓ Sách *Luận ngữ cho ta biết những điều gì ?* – Sách Luận ngữ có thể coi là cuốn sách *dạy đạo người quân tử một cách thực tiễn* và mô tả tính tình, cử chỉ, đức độ của đức Khổng Tử như phác họa ra một cái *mẫu mực hoạt động* cho

người đời sau theo.

Xem sách ấy ta có thể biết được :

- Nhiều câu cách ngôn xác đáng về đạo người quân tử.
- Phẩm cách cao thượng (hồn hậu, thành thực, khiêm cung, khái hoạt) của đức Khổng Tử biểu lộ ra trong những chuyện ngài nói với học trò.
- Cảm tình phong phú và lòng ái mỹ của ngài.
- Khoa sư phạm của ngài. Trong các lời khuyên dạy chuyện trò với học trò, ngài tỏ ra là một ông thầy hiểu thấu tâm lý học trò và khéo làm cho lời dạy bảo của mình thích hợp với trình độ, cảnh ngộ của mỗi người. Có khi cùng là một câu hỏi mà ngài trả lời khác, tùy theo tư chất và chí

hướng của từng người.

4. Mạnh Tử

- ✓ Đó là tên một cuốn sách của Mạnh Tử⁵ viết ra. Sách gồm có 7 *thiên*. Các *chương* trong mỗi *thiên* thường có liên lạc với nhau và cùng bàn về một vấn đề.
- ✓ *Tư tưởng của Mạnh Tử* - Xem sách ta có thể nhận được tư tưởng

⁵ *Mạnh Tử* (372-289) tên là Kha, người đất Châu (nay thuộc tỉnh Sơn Đông), ở về đời Chiến quốc, học trò Tử Tư cháu đích tôn Khổng Tử). Ông hiểu rõ đạo của Khổng Tử, lại có tài hùng biện, thường đi du lịch các nước chư hầu (Tề, Lương, Tống, Đằng), muốn đem cái đạo của thánh nhân ra cứu đời, nhưng không được ông vua nào biết dùng. Sau lúc gần già thấy cái đạo ấy không thể thực hành được, ông về nhà dạy học trò và soạn ra sách *Mạnh Tử*. Ông là người có công to nhất trong việc làm sáng tỏ đạo lý Nho giáo và bênh vực đạo ấy để chống với các học thuyết khác về đời Chiến Quốc, nên vẫn được coi là bậc á thánh (gần bậc thánh).

của Mạnh Tử về các vấn đề sau này :

- *Về luân lý :*

a) Ông xướng lên cái thuyết *tính thiện* để đánh đổ cái thuyết của người đương thời (như Cáo Tử) cho rằng tính người không thiện không ác. Theo ý ông, thì thiên tính người ta vốn thiện, ví như tính nước vốn chảy xuống chỗ thấp ; sở dĩ thành ác là vì làm trái thiên tính đi, ví như ngăn nước cho nó phải lên chỗ cao vậy.

b) Tính người vốn thiện, nhưng vì tập quán, vì hoàn cảnh, vì vật dục làm sai lạc đi, hư hỏng đi, vậy cần phải có *giáo dục* để nuôi lấy lòng thiện, giữ lấy bản tính. Mấy điều cốt yếu trong việc giáo

dục ấy là : *dưỡng tính* (giữ lấy thiện tính), *tôn tâm* (giữ lấy lòng lành), *trì chí* (cầm lấy chí hướng cho vững), *dưỡng khí* (nuôi lấy khí phách cho mạnh).

c) Ông thường nói đến phẩm cách của người quân tử mà ông gọi là *đại trượng phu* hoặc *đại nhân* ; bậc ấy phải có đủ bốn điều là : *nhân, nghĩa, lễ và trí*.

- *Về chính trị* - Ông nói bậc làm vua trị dân phải trọng *nhân nghĩa* chớ đừng trọng tài lợi thì mới tránh được sự biến loạn và việc chiến tranh.
- Ông cũng lưu tâm đến vấn đề kinh tế lắm. Ông nói : Người ta có *hàng sản*, rồi mới có *hàng tâm*, nghĩa là người ta có của cải

đủ sống một cách sung túc thì mới sinh là có lòng tốt muốn làm điều thiện. Vậy bốn phạm kẻ bề trên là phải trừ tính sao cho tài sản của dân được phong phú rồi mới nghĩ đến điều dạy dân và bắt dân làm điều hay được. Ông lại chỉ các phương lược mà các bậc vua chúa phải theo để làm cho việc canh nông, mục súc, công nghệ của dân được phát đạt.

- ✓ *Văn từ trong sách Mạnh Tử* - Mạnh Tử không những là một nhà tư tưởng lỗi lạc, lại là một bậc văn gia đại tài. Văn ông rất *hùng hồn* và khúc chiết : ông nói điều gì, cãi lẽ gì, thật là rạch ròi, góc cạnh. Ông hay nói *thí dụ* : muốn cho ai hiểu điều gì, muốn bắt ai chịu phục lẽ gì, ông thường dẫn các thí dụ mượn ở

sự vật cho người ta dễ nhận xét. Ông lại hay dùng thể *ngụ ngôn* hoặc kể những câu chuyện ngắn để diễn đạt tư tưởng cho người nghe vui thích và dễ nhận cái thâm ý của ông.

Kết luận. – Bộ Tứ thư là bộ sách gồm những điều cốt yếu của Nho giáo, ai muốn hiểu rõ tất phải nghiên cứu bộ ấy. Trong bộ ấy, có nhiều câu cách ngôn xác đáng, nhiều chân lý đương nhiên đáng để cho chúng ta, bất kỳ là người nước nào, ở thời đại nào, ngẫm nghĩ suy xét và rất có ích lợi về đường tinh thần, đức hạnh của ta vậy.



NHỮNG ĐIỀU GIẢN YẾU VỀ KINH THI, TẬP CA DAO CỔ CỦA NGƯỜI TÀU

▪ Nói qua về Ngũ kinh.

B. Ngũ kinh (năm cuốn sách), cũng như Tứ thư, là những sách gốc của Nho giáo. Nguyên trước có sáu kinh, nhưng vì sự đốt sách của Tần Thủy Hoàng (246-209), một kinh là *Kinh nhạc* (âm nhạc) mất đi⁶.

C. Ngũ kinh là :

1. *Thi* (thơ), do đức Khổng Tử sưu tập và lựa chọn, sẽ nói rõ sau.
2. *Thư* (nghĩa đen là ghi chép), do đức Khổng Tử sưu tập, trong đó

⁶ Chỉ còn lại có một thiên, sau đem vào sách *Lễ Ký*, đặt là thiên *Nhạc ký*.

chép điển, mô, huấn, cáo, thệ, mệnh⁷ của các vua tâu bên Tàu từ đời Nghiêu, Thuấn đến đời Đông – Chu (từ năm 2357 đến năm 771 trước công nguyên).

3. *Dịch* (nghĩa đen là thay đổi) là cuốn sách tương số dùng về việc bói toán và sách lý học cốt giải thích lẽ biến hóa của trời đất và sự hành động của muôn vật. Nguyên vua Phục Hi (4480-4365) đặt ra *bát quái* (tám quẻ, tức tám hình vẽ) ; tám quẻ ấy lại lần lượt đặt chồng lên nhau thành ra 64 *trùng quái* (quẻ kép) ; mỗi trùng quái có sáu nét vạch (hoặc vạch liền biểu thị lẽ *ương*, hoặc

⁷ *Điển* : phép tắc ; *mô* : mưu bàn, kế sách ; *huấn* : lời dạy dỗ ; *cáo* : lời truyền bảo ; *thệ* : lời răn bảo tương sĩ ; *mệnh* : mệnh lệnh.

vạch đứt biểu thị lễ âm gọi là hào, thành ra 384 hào. Đức Khổng Tử mới nhân đây mà giải nghĩa các quái, các trùng quái và các hào.

4. *Lễ ký* (chép về lễ) là sách chép các lễ nghi trong gia đình, hương đảng và triều đình. Hiện cuốn lễ ký còn truyền lại đến giờ phần nhiều là văn của Hán Nho, chứ chính văn do đức Khổng Tử san định về đời Xuân Thu không còn mấy.
5. *Xuân Thu* (mùa xuân và mùa thu), nguyên là sử ký nước Lỗ, do đức Khổng Tử san định lại, chép công việc theo thể biên niên từ năm đầu đời Lỗ Ẩn Công đến năm thứ 15 đời Lỗ Ai Công (từ

năm 722 đến năm 481 trước công nguyên), cộng là 243 năm.

▪ **Lược sử kinh Thi**

1. Kinh Thi vốn là những bài ca dao ở nơi thôn quê và nhạc chương ở nơi triều miếu của nước Tàu về đời Thương cổ. Các thiên trong "Thương tụng" có lẽ làm từ đời nhà Thương (1783-1135), còn các thiên khác đều làm về đời nhà Chu, từ thế kỷ XII đến VI. Các bài ấy do các nhạc sư sưu tập và đem hát trong khi có yến tiệc và tế lễ.
2. Nguyên trước có đến 3.000 thiên, sau đức Khổng Tử lựa chọn lấy hơn 300 thiên và, theo ý nghĩa các thiên, sắp đặt thành 4 phần.
3. Đến đời Tần Thủy Hoàng, Kinh

Thi, cũng như các kinh khác bị đốt, nhưng có nhiều nhà Nho còn nhớ.

4. Đến thế kỷ II trước công nguyên, về đời nhà Hán, có 4 bản kinh Thi xuất hiện, đại thể giống nhau, duy chữ viết có khác. Truyền lại cho đến nay là bản của Mao Công (tức Mao Trường).

- **Nội dung của kinh Thi.** – Kinh Thi có 4 phần gồm 305 *thiên* (bài thơ), trong đó có 6 thiên chỉ truyền lại đề mục mà không còn bài. Mỗi thiên lấy vài chữ chính trong thiên làm đề mục và chia ra làm nhiều *chương*. Bốn phần trong kinh Thi là : Quốc phong, Tiểu nhã, Đại nhã và Tụng.

1. Quốc phong – *Quốc* nghĩa là nước (đây là các nước chư hầu về

đời nhà Chu), *phong* nghĩa đen là gió ; ý nói các bài hát có thể cảm người ta như gió làm rung động các vật. Vậy quốc phong là những bài ca dao của các dân nước chư hầu mà đã được nhạc quan của nhà vua sưu tập lại. Quốc phong chia 15 quyển, mỗi quyển là một nước, gồm có :

- a. *Chính phong* (hai quyển *Chu nam* và *Thiệu nam*)⁸ gồm những bài hát từ trong cung điện nhà vua truyền ra khắp thiên hạ.

⁸ *Chu nam, Thiệu nam* : Chu và Thiệu là tên đất (nay là đất huyện Kỳ Sơn, tỉnh Thiểm Tây) ; Nam là nước chư hầu ở phương nam. Đất Chu, đất Thiệu nguyên là cố ấp của nhà Chu. Đến đời Chu Văn Vương mới chia cho 2 người con là Đán và Thích ; Đán được ăn phần đất Chu nên gọi là Chu công, Thích được ăn phần đất Thiệu, nên gọi là Thiệu công.

b. *Biến phong* gồm những bài hát của 13 nước chư hầu khác.

2. *Tiểu nhã* – *Nhã* nghĩa là chính đình, gồm những bài hát dùng ở nơi triều đình. *Tiểu nhã* chỉ những bài hát dùng trong những trường hợp thường như khi có yến tiệc. *Tiểu nhã* gồm có 8 thập, mỗi thập có 10 thiên.
3. *Đại nhã* – *Đại nhã* chỉ những bài hát dùng trong những trường hợp quan trọng như khi thiên tử họp các vua chư hầu hoặc tế ở miếu đường. *Đại nhã* gồm có 3 thập, mỗi thập 10 thiên, trừ thập thứ 3 có 11 thiên.
4. *Tụng* – *Tụng* nghĩa đen là khen, gồm những bài ngợi khen các vua đời trước và dùng để hát ở nơi miếu đường. *Tụng* có 5 quyển gồm 40

thiên, chia ra làm :

- Chu tụng : 31 thiên (3 quyển đầu);
- Lễ tụng : 4 thiên (quyển thứ 4) ;
- Thương tụng : 5 thiên (quyển thứ 5).

▪ **Thể văn trong kinh Thi**

1. Các bài trong kinh Thi viết theo thể *thơ 4 chữ* (thỉnh thoảng có câu 3 chữ hoặc 5 chữ).
2. Cách kết câu các bài làm theo 3 thể : *thể phú, thể tử, thể hứng*.

▪ **Luân lý trong kinh Thi**

1. Đức Khổng Tử đã nói : "Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tế chi, viết : Tư vô tà", nghĩa là : Cả 300 thiên kinh Thi, chỉ một câu có thể chùm được, là : Không nghĩ bậy

(Luận ngữ : Vi chính II). Vậy người đọc Kinh Thi phải làm thế nào cho lòng mình không nghĩ đến điều xằng bậy, dâm tà để có được những tính tình trong sạch ; đó là bài học luân lý của sách ấy, mà cũng là chủ ý của đức Khổng Tử khi ngài san định kinh ấy.

2. Ngài lại nói : "Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quân, khả dĩ oán, nhĩ chi sự phụ, viễn chi sự quân, đa chí ư điều thú, thảo mộc chi danh", nghĩa là : Xem kinh Thi, có thể phấn khởi được ý chí, xem xét được việc dở, phù hợp với mọi người, bày tỏ nỗi sầu oán, gần thì học việc thờ cha, xa thì học việc thờ vua, lại biết được nhiều tên chim, muông, cỏ cây. (Luận ngữ : Dương Hóa, XVII).

Đó là sự ích lợi của việc học kinh Thi.

- **Đọc kinh Thi, biết được những điều gì ?** – Đọc kinh Thi, ta biết được tính tình, phong tục của người dân và chính trị các đời vua cùng các nước chư hầu ở nước Tàu về đời Thương cổ. Thí dụ :

Đọc *Mân Phong*, ta biết được tục cần kiệm của người dân nước ấy ;
Đọc *Vệ Phong*, ta biết được tục dân bon của người dân nước ấy ;
Đọc *Tần Phong*, ta biết được sự hoi quá của người dân nước ấy ;
Đọc *Đại Nhã*, *Tiểu Nhã*, ta biết được chính trị của nhà Chu thịnh suy thế nào.

- **Ảnh hưởng kinh Thi đối với văn chương nước Tàu và nước Nam.**

1. Kinh Thi là một cái *nguồn thi hứng* : các thi sĩ thường mượn đề mục ở đây.
2. Kinh Thi lại là một cái *kho điển tích* : các nhà làm văn hay lấy điển hoặc lấy chữ ở đây. Ta cứ đọc *Truyện Kiều* thì thấy rất nhiều điển và chữ mượn ở kinh Thi.

Kết luận. – Kinh Thi, cũng như ca dao của ta, là cái nền thơ tối cổ của nước Tàu, trong đó có nhiều bài mô tả tính tình, phong tục dân Tàu một cách chất phác, hồn nhiên, thật là một cái kho tài liệu cho ta khảo cứu vậy. (*Dương Quảng Hàm – Việt Nam Văn Học Sử Yếu, Bộ Giáo dục, Trung tâm học liệu xuất bản năm 1968*).

D. BỘ VEDA CỦA ẮN GIẮO

Thời kỳ Veda : là thời kỳ hình thành bộ kinh Veda, được xác định vào khoảng từ năm 1400 đến năm 1000 trước công nguyên. Đây là thời kỳ mà chủng tộc Aryan từ phương Bắc tràn sang chinh phục Ấn Độ. Những người Aryan giỏi ngựa xe và biệt tài gươm giáo đã nhanh chóng giành phần thắng trong các cuộc chiến trận.

Veda có từ nguyên trong tiếng Sanskrit là *vid*, có nghĩa là *hiểu biết, kiến thức*. Veda còn đồng nghĩa với *brahman*, tức là nguyên lý vũ trụ, là khởi nguồn và cũng là mục đích của mọi kiến thức. ***Kinh Veda là tập hợp tất cả những hiểu biết về vũ trụ, thiên nhiên và con người.*** Đây là sản phẩm

của tầng lớp tu sĩ đương thời, cũng tự gọi là những brahman, tức là những người làm nhiệm vụ cầu nối giữa con người và thần linh, chủ trì các cuộc cúng tế, chăm sóc đời sống tinh thần của xã hội.

Kinh Veda được xem là loại văn bản thiêng liêng do con người *nghe thấy* (*shruti*) từ thần linh, khác với loại văn bản được con người *nhớ lại* (*smriti*) từ lời dạy của những hiền triết. Kinh Veda bao gồm 4 bộ : Rig Veda, Yajur Veda, Sama Veda và Atharva Veda. Có thể nói tất cả các tôn giáo ở Ấn Độ đều bắt nguồn từ kinh Veda, ở khía cạnh là tiếp tục triển khai (trường hợp Bà la môn giáo và Hindū giáo) hoặc tìm cách phủ nhận các ý tưởng ở đó (trường hợp Phật giáo và Jain giáo). Những câu chuyện

về thần linh, những khái niệm tín ngưỡng trong kinh Veda cũng là nền tảng của sự phát triển thần thoại Ấn Độ trong các thời kỳ sau.

Các nhà nghiên cứu đã chú ý một số điểm nổi bật trong kinh Veda như sau :

- ***Tinh thần chiến sĩ*** : Thời kỳ Veda là thời kỳ những người Aryan thường xuyên đánh nhau không chỉ với người bản địa mà cả giữa những người Aryan với nhau. Trật tự xã hội thời bấy giờ được hình thành từ sự cạnh tranh giữa những bộ tộc nhỏ, đứng đầu là những "vua" (thật ra chỉ là thủ lĩnh của một nhóm) để giành đất đai, của cải (tính bằng gia súc). Trong một thế giới như vậy, các giá trị chiến sĩ được đề cao.

Các thần linh được cầu nguyện để

ban cho chiến công, tiêu diệt kẻ thù. Trong số các thần linh được thờ phụng thời kỳ Veda có thần Indra, đây chính là tính chất chiến sĩ được thần thánh hóa, được miêu tả là người đã uống một lượng lớn chất bổ dưỡng soma và truy bắt, tiêu diệt loài quỷ. Vị thần này đã đóng vai trò quan trọng ở một chuyện kể trong kinh Veda về sự sáng tạo – vũ trụ đã được tạo ra khi Indra đánh bại con rắn cuộn mình bao quanh "đại dương sự sống". Indra và các vị thần tương tự trong tín ngưỡng Veda chính là sự thần thánh hóa chủ nghĩa anh hùng chiến đấu, được coi là một đặc trưng của con người và xã hội Ấn Độ cổ đại.

- ***Chủ nghĩa tôn sùng tự nhiên*** : Rất nhiều các vị thần trong kinh Veda đồng nhất với các hiện tượng thiên

nhiên hoặc các yếu tố của vũ trụ - đất, không khí và bầu trời. Tên gọi các vị thần cũng chính là tên gọi các hiện tượng tự nhiên, như là mặt trời (Surya, Aditya, Savitar), mặt trăng (Chandra), bầu trời (Dyaus). Trong không khí thì có thần gió (Vayu) và thần sấm sét Indra cùng với đội quân của thần là các Marut, còn ở cõi đất thì có nữ thần đất Prithivi. Trong tất cả các trường hợp, không có sự phân biệt giữa vị thần và hiện tượng tự nhiên : mặt đất cũng chính là Prithivi, gió chính là Vayu, mặt trời chính là Surya ... Có những thần khác tượng trưng cho bình minh (Ushas), đêm tối (Ratri), sông ngòi (Sarasvati) và ngay cả thiên tai cũng được thần hóa bằng hình ảnh Nirriti. Các nghi lễ của thời kỳ

Veda thường diễn ra theo chu kỳ của thiên nhiên như các tuần trăng và các mùa trong năm.

Các vị thần liên quan đến việc hiến tế bằng lửa có một vị trí quan trọng, trong đó, thần lửa Agni chiếm vị trí trung tâm, Agni là vị thần duy nhất được coi như có mặt ở cả ba cõi vũ trụ : ở cõi đất thần là lửa, ở cõi không khí thần là ánh chớp, ở cõi trời thần là mặt trời. Ngoài ra, Agni còn là sứ giả và là thầy tư tế của chư thần. Các vật phẩm dâng cúng được cho vào miệng của thần Agni (tức ngọn lửa trong lễ hiến tế) và được mang đi (thông qua khói) cho chư thần cùng hưởng.

Vak là vị thần của những lời thần chú, tượng trưng cho sức mạnh của những lời cầu nguyện đồng thời là

người ban truyền những ân huệ của chư thần cho con người.

Một vị thần quan trọng khác là thần Soma cũng chính là tên gọi của một sản phẩm từ thiên nhiên. Theo kinh Veda thì đây là một chất nước ép từ một loại thực vật được dùng để dâng lên thần linh và được các thầy tư tế uống trong các lễ hiến tế. Đây chắc chắn là một loại nước uống bổ dưỡng và có lẽ có chất gây hưng phấn. Kinh Veda còn ghi lại lời ca hân hoan của người uống Soma :

"Như cơn gió mãnh liệt, thức uống này đã nâng tôi lên cao. Lễ nào tôi chưa uống Soma ? Thức uống đã nâng tôi vút nhanh như trên một xe ngựa phi nước đại. Lễ nào tôi chưa uống Soma ? ... Trong khoảng mênh mông,

*tôi vượt qua bầu trời, tôi vượt qua mặt đất. Lễ nào tôi chưa uống Soma ?
Nào, tôi sẽ đặt trái đất chỗ này, tôi sẽ đặt trái đất chỗ kia. Tôi thật khổng lồ, thật vĩ đại, tôi bay cùng với những đám mây. Lễ nào tôi chưa uống Soma ?"⁹.*

- ***Đề cao nghi lễ hiến tế bằng lửa :***
Kinh Veda thường nói đến lễ hiến tế, gọi là *yajna*. Lễ hiến tế có nghi thức hết sức rườm rà với sự tham gia của nhiều thầy tư tế nhằm dâng các vật phẩm gồm sữa, ngũ cốc, thịt và soma lên các thần linh thuộc ba cõi thế giới.

(Huỳnh Thị Được, Điều khắc Chăm và thần thoại Ấn Độ, NXB Đà Nẵng 2010)

⁹ Jonathan Z. Smith (ed.), Dictionary of Religion, Harperr San Francisco, 1995, tr.1116.

E. BỘ KINH KORAN CỦA HỒI GIÁO

Đối với đại khối các dân tộc Ả Rập, nguyên bản bằng ngôn ngữ Arabic của kinh Koran là một kiệt tác phẩm thi văn. Kinh Koran không hẳn là một cuốn thơ trường thiên nhưng là một tác phẩm văn xuôi có vần có điệu (poetic rhymed prose) rất thích hợp với khẩu vị văn chương của những người du mục ở nơi hoang dã. Chính vì vậy mà kinh Koran đã mau chóng được truyền bá qua truyền khẩu rộng khắp bán đảo Ả Rập (lớn gấp 8 lần Việt Nam).

Về phương diện tâm linh, kinh Koran là sự nối kết những dòng tư tưởng về một tôn giáo độc thần khởi đầu từ tổ phụ Abraham, qua Mai-sen

(Moses) qua Jesus đến thiên sứ cuối cùng là Muhammad. Từ 2000 năm trước Công Nguyên, những người Ả Rập đã biết đến Thiên Chúa của Abraham mà họ gọi là Allah. Điều đó có nghĩa là họ đã thờ Allah từ 27 thế kỷ trước khi có Muhammad và đạo Hồi. Qua nhiều thế kỷ tiếp xúc với văn hóa Do Thái, người Ả Rập đã rất quen thuộc với các nhân vật của kinh Thánh Cựu Ước. Từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 7, người Ả Rập tiếp xúc với những người Ki Tô Giáo thuộc đế quốc Byzantine rộng lớn và từ những nước lân bang như Syria, Ai Cập và Ethiopia... Mặc dù rất ít người Ả Rập lúc đó theo Ki Tô Giáo nhưng cũng không cảm thấy xa lạ với Jesus và Gioan Baotixita.

Đọc kinh Koran, chúng ta sẽ thấy những nhân vật quan trọng của hai đạo

Do Thái và Ki Tô được Muhammad thường xuyên nhắc tới. Kinh Koran là một tổng hợp những kiến thức tôn giáo đã tiềm tàng sẵn trong đại khối các dân tộc Ả Rập. Sự tổng hợp đó được gọi là Islam, có nghĩa là sự tuân phục tuyệt đối vào Thiên Chúa. (Islam means the absolute submission to God). Người Trung Quốc phiên âm "Islam" thành "Hui" (Hồi) và gọi đạo này là "Hui-jiao" tức Hồi Giáo. Kinh Koran trở thành Thánh Kinh (The Holy Book) hoặc sách Mặc Khải (Book of Revelation) của Hồi Giáo.

Đáng lẽ ra đạo Do Thái, đạo Ki Tô và đạo Hồi đều cùng thờ chung một Chúa thì phải có chung một Kinh Thánh duy nhất mới phải. Trong thực tế, mỗi đạo đều có Thánh Kinh riêng và đạo nào cũng tự cho Thánh Kinh

của mình mới là chân lý tuyệt đối. Cả 3 đạo đều tự cho Thánh Kinh của mình là những "sách Mặc Khải".

- Kinh Torah (Cựu Ước) được Thiên Chúa mặc khải cho Thánh Mai-sen (Moses) khoảng năm 1250 TCN trên núi Sinai.
- Các sách Tân Ước/Phúc Âm là các sách Thiên Chúa mặc khải cho các Tông đồ, thánh Phaolô và bốn vị Thánh Sử : Matthew, Mark, Luke và John trong thế kỷ 1.
- Kinh Koran là sách Thiên Chúa mặc khải cho tiên tri Muhammad qua trung gian của sứ thần Gabriel trong 22 năm liên tục (610-632).

Trước khi có kinh Koran, người Ả Rập có mặc cảm là một chủng tộc thiếu văn hóa và họ tỏ ra trọng nề

người Do Thái và Ki Tô. Cho nên, trong ngôn ngữ Ả Rập có danh từ "Dhimmi" để gọi chung cho Do Thái và Ki Tô. Danh từ này có nghĩa là "những người có sách Thánh Kinh" (People of the Books).

Sự xuất hiện kinh Koran vào đầu thế kỷ 7 đã đem lại cho các dân tộc Ả Rập một niềm tự hào vì từ nay họ có Thánh Kinh viết bằng tiếng Ả Rập. Họ đón nhận đạo Hồi là đạo của dân tộc chứ không phải là đạo ngoại lai. Kinh Koran và đạo Hồi là hai yếu tố quan trọng đem lại sự hưng khởi tinh thần và là chất keo văn hóa nối kết các bộ lạc Ả Rập lại với nhau và biến đại khối Ả Rập thành một lực lượng chính trị và quân sự hùng mạnh trong nhiều thế kỷ.

1 . Công việc biên soạn kinh Koran

Khác với Cựu Ước được viết theo lối văn lịch sử kinh Koran được viết theo lối văn kể chuyện thông thường (oral recitation). Tổng cộng có 114 chương (suras/chapters) gồm 6616 câu thơ (verses).

Sự phân phối các câu thơ trong các chương không đều nhau. Chương dài nhất có 287 câu thơ, chương ngắn nhất chỉ có 3 câu mà thôi. Mỗi câu thơ cũng dài ngắn bất thường: Câu thơ dài nhất chiếm tới nửa trang sách, câu ngắn nhất chỉ có 2 chữ ! Phần lớn kinh Koran (85 chương) được Muhammad viết tại Mecca, còn lại 29 chương viết tại Medina. Muhammad viết Koran trên lá cọ và trên những tấm da súc vật phơi khô.

Sau khi Muhammad qua đời vào năm 632, phần lớn các bản chép tay nói trên bị thất lạc hoặc phân tán rải rác nhiều nơi. Mọi người cảm thấy nguy cơ có thể làm cho cuốn Thánh Kinh của họ bị tiêu vong nếu không gấp rút sưu tầm và thu hồi các nguyên bản của Muhammad. Sau đó, cần phải có người tài giỏi biên tập tất cả các nguyên bản thành một cuốn Thánh Kinh duy nhất.

Để đáp ứng nhu cầu của các tín đồ Hồi Giáo, người có thẩm quyền đầu tiên đứng ra lo việc này là Abu Bakr (632-634). Ông vừa là cha vợ vừa là người đầu tiên kế vị Muhammad (the first caliph) và cũng là vị vua Hồi Giáo đầu tiên thống nhất bán đảo Ả Rập để biến nơi này thành điểm xuất phát, bành trướng Hồi Giáo ra khắp

thế giới. Abu Bakr giao cho một thanh niên 22 tuổi tên Zayd đi sưu tầm và gom góp các thủ bản của kinh Koran do Muhammad viết tập trung tại Medina.

Công việc đang được tiến hành tốt đẹp thì Abu Bakr qua đời. Các tài liệu do Zayd thu thập đều được chuyển giao cho vị vua Hồi Giáo kế nhiệm là Umar Khattab. Vị vua này là một nhà quân sự đại tài, chỉ trong 10 năm (634-644) đã mở rộng lãnh thổ của Hồi Giáo ra toàn vùng Trung Đông và Bắc Phi. Vì quá mải mê lo việc quân sự nên vị vua này đã bỏ quên công việc biên tập kinh Koran. Hậu quả nghiêm trọng là ở những địa phương khác nhau người ta truyền miệng những câu thơ của Kinh Koran khác nhau và sự tranh cãi về tính trung thực của kinh

Koran càng ngày càng trở nên gay gắt và hỗn loạn. Các cuộc tranh cãi này đã dẫn đến cuộc "thánh chiến" giữa hai phe Hồi Giáo tại Nehavand, gây cảnh thối ròi máu đổ trong 7 năm (650-657).

Vị vua kế nghiệp thứ ba (the third caliph) là Uthman (644-657) chú tâm đến việc phục hồi kinh Koran. Năm 652, Uthman giao cho Zayd và 3 người phụ tá nhiệm vụ biên tập các bản thảo của Muhammad thu hồi được thành một cuốn sách duy nhất. Sau 5 năm, nhóm biên tập của Zayd hoàn thành nhiệm vụ. Năm 657, tức 25 năm sau khi Muhammad qua đời, vua Uthman công bố bản kinh Koran do Zayd biên tập và gọi nó là "MUSHAF" có nghĩa là "Kinh Thánh chính thức của mọi người Hồi Giáo" (The Official Codex for all Muslims).

Ban biên tập của Zayd chép cuốn Kinh Thánh này thành 4 bản giống nhau để lưu trữ tại 4 thành phố : Medina, Basra, Kufa (Iraq) và tại Damacus (Syria).

Sau đó, Uthman ra lệnh tiêu hủy toàn bộ các bản viết tay của Muhammad trên lá cọ và da thú vật. Công việc này tương tự như hành động của Hoàng đế La Mã Constantine ra lệnh tiêu hủy toàn bộ các sách thánh kinh và các di tích thật của Chúa Jesus sau Công Đồng Nicaea năm 325.

Do sự tiêu hủy các bản viết tay của Muhammad theo lệnh của vua Uthman đã không được thi hành triệt để nên ngày nay người ta đã thu thập được 5 bản chính viết trên da súc vật :

- 2 bản hiện lưu trữ tại thư viện Taskhent ở Uzbekistan.
- 1 bản lưu trữ tại thư viện Tpokabi Thổ Nhĩ Kỳ.
- 1 bản tại bảo tàng viện London.
- 1 bản mới tìm thấy tại Yemen năm 1979.

So sánh các bản chính nói trên với Kinh Koran do Uthman công bố năm 657, người ta đã phát giác có nhiều sự khác biệt. Các học giả nghiên cứu về Hồi Giáo xác nhận: Việc Uthman ra lệnh tiêu hủy các bản viết tay của Muhammad là một tổn thất hết sức nặng nề cho Hồi Giáo. Năm bản viết tay trên da súc vật mà ngành khảo cổ đã thu thập được cũng đủ xác minh một sự thật đáng buồn: Zayd và ban biên tập của ông ta có thể đã không thu thập đầy đủ các thủ bản của

Muhammad, khi chép lại có thể đã bỏ sót một số câu thơ của kinh Koran và cuối cùng không có gì bảo đảm là Zayd và ban biên tập đã không tự ý sửa đổi Kinh Koran theo ý riêng của mình.

Tuy nhiên, hầu hết các tín đồ Hồi Giáo hiện nay đã không nêu lên những vấn đề nói trên. Họ vẫn tin rằng bản kinh Koran bằng tiếng Arabic do vua Uthman công bố năm 657 là kinh Koran do Thiên Chúa Allah mặc khải cho Muhammad.

2 . Sơ lược nội dung kinh Koran

Những chương đầu tiên của Kinh Koran nói về Thiên Chúa Allah với những đặc tính siêu việt của Ngài. Vì đạo Hồi là đạo Thiên Chúa thứ ba, xuất hiện sau đạo Do Thái và đạo Kitô

nên đạo Hồi đã in đậm những dấu ấn đức tin của hai đạo Thiên Chúa đàn anh. Tôi đã trình bày đầy đủ vấn đề này trong bài "Ảnh hưởng thần học Do Thái - Kitô trong đức tin Hồi Giáo". (Xin đọc "Thực chất đạo Công Giáo và các đạo Chúa", Giao Điểm xuất bản - Xuân 2003, trang 201-232). Ngoài Thiên Chúa ra, Kinh Koran dạy phải tin có các thiên thần và ma quỷ (Satan), tin các sách Mặc Khải của đạo Do Thái và Kitô cùng các vị thiên sứ, tin có ngày tận thế và ngày phán xét cuối cùng, tin mọi kẻ chết đều được sống lại, tin có Thiên đàng, Hỏa ngục, tin mọi việc do Thiên Chúa Allah tiền định nhưng mọi người có ý chí tự do. Tất cả các điều này đã được trình bày đầy đủ qua 32 trang sách dẫn chiếu, vậy tôi xin miễn nhắc lại ở đây.

Khác với Cựu Ước và Tân Ước chỉ đề cập đến vấn đề thiêng liêng hoặc lịch sử, Kinh Koran đồng thời cũng là một bộ luật đầu tiên và cao nhất của Hồi Giáo. Thí dụ :

- Cấm cho vay nặng lãi (Koran 2:275)
- Cấm ăn thịt heo, thịt đã cúng các thần khác, cấm ăn uống máu (tiết canh, huyết) (Koran 5:3).
- Cấm cờ bạc (Koran 5:90)
- Cấm săn bắn trong thời gian hành hương Mecca (Koran 5:93).
- Phải ăn chay trong tháng Ramadan (Koran 2:182).
- Phải rửa chân tay sạch sẽ trước khi cầu nguyện (Koran 5:6).
- Cấm giao hợp với đàn bà có tháng (Koran 2:221).

Trước khi có kinh Koran, phụ nữ Ả Rập giàu có thường lấy nhiều chồng và đa số là những người đàn ông trẻ khỏe. Kinh Koran khẳng định quyền ưu thắng của đàn ông (Koran 4:34) và chính thức bãi bỏ tục đa phu (polyandre).

Bất cứ người đàn bà nào có chồng bị cáo buộc về tội ngoại tình đều bị đem ra cho công chúng ném đá đến chết (Koran 4:15).

Kinh Koran quy định án phạt hết sức nặng nề chống lại bất cứ ai bị kết án : "Chống Thiên Chúa Allah" hoặc "chống Thiên Sứ Muhammad". Người đó sẽ bị đóng đinh vào thập giá hoặc bị chặt hết chân tay (Sura 5).

Tội trộm cắp cũng có thể bị phạt rất nặng. Dù đàn ông hay đàn bà tùy theo

nặng nhẹ nếu bị kết án về tội trộm cắp sẽ bị chặt một tay hay hai tay (Koran 5: 3).

3. Những điều nên biết về Hadith, Sunna và Sharia

Vì lý do kinh Koran không phải là sách dễ đọc nên trong các xứ Hồi Giáo, các tín đồ đọc kinh Koran đều cần có người hướng dẫn. Những người hướng dẫn không phải là tu sĩ nhưng là những người học thức chuyên nghiên cứu về kinh Koran. Những bài giảng của họ được gọi là HADITH, có nghĩa là một bài phúc trình (report). Qua nhiều thế kỷ, số bài phúc trình giảng giải về Kinh Koran đạt tới con số rất lớn. Các học sĩ Hồi Giáo chọn lựa các bài hay tập trung lại thành một cuốn sách gọi là SUNNA, có nghĩa là

"Tuyển tập các phúc trình" (Collection of Reports). Từ đó, sách SUNNA trở thành một cuốn sách bổ túc cho kinh Koran về mặt tín lý, giáo điều.

Các chính quyền của các nước Hồi Giáo chiếu theo tinh thần và luật pháp nêu trong kinh Koran và sách SUNNA để làm ra bộ luật gọi là SHARIA. Danh từ này được dịch sang Anh Ngữ là "Islamic Holy Law" có nghĩa là "Thánh Luật Hồi Giáo".

Tất cả các sách Sunna và Sharia đã được hoàn thành vào cuối thế kỷ 9 và đã được viết thành nhiều bản khác nhau tại nhiều nơi khác nhau. Do vậy, các sách này chứa đựng nhiều điều mâu thuẫn, nhất là những giai thoại khác biệt nhau về cuộc đời và lời nói của giáo chủ Muhammad. Đây là một

trong những nguyên nhân chính yếu gây ra nạn phân hóa trong đạo Hồi : Giáo phái Sunni chỉ công nhận những Hadiths (reports) của Bukkhari. Giáo phái Shiite công nhận Hadiths của Kulayni và giáo phái Khariji chỉ công nhận Ibn Habib. Giáo phái này kết án giáo phái kia là xuyên tạc hoặc giả mạo Thánh Kinh Koran và gọi nhau là những kẻ tà đạo (mukhtalaq) ! Kết quả là những cuộc thánh chiến đẫm máu giữa các giáo phái này trong nhiều thế kỷ qua.

4. Các bản dịch kinh Koran

Do nhu cầu truyền bá đạo Hồi trong 14 thế kỷ qua, đến nay kinh Koran đã được dịch ra rất nhiều thứ tiếng trên thế giới. Riêng một mình nhà xuất bản Takrike Tarsile Qu'ran, Inc. ở New

York đã sưu tập được trên 600 bản dịch khác nhau !

Lịch sử Hồi Giáo ghi nhận bản dịch kinh Koran đầu tiên trên thế giới là bản dịch từ tiếng Ả Rập sang tiếng La Tinh do một người Ý tên là Peter Venerable thực hiện năm 1143. Điều đáng chú ý là bản dịch viết tay của ông hiện vẫn được lưu giữ tại tu viện Kluny (Ý). Đúng 300 năm sau, tức vào năm 1543, bản dịch viết tay duy nhất này được đem in và xuất bản tại Rome.

Nhờ có bản dịch kinh Koran bằng tiếng La Tinh này, Âu Châu mới biết đến cuốn kinh Thánh của đạo Hồi.

- Năm 1616, tại Nuremberg xuất hiện kinh Koran bằng tiếng Hòa Lan dịch từ bản La Tinh.

- Năm 1647, kinh Koran bằng tiếng Pháp được xuất bản tại Paris cũng dịch từ bản La Tinh.
- Năm 1776, tại Petersburg cuốn kinh Koran bằng Nga ngữ được xuất bản, dịch từ tiếng Pháp.
- Đầu thế kỷ 18, một người Anh tên là A.Ross dịch kinh Koran từ tiếng Pháp sang tiếng Anh và xuất bản lần đầu tại Mỹ năm 1737.

Cho tới nay, có nhiều bản dịch khác nhau bằng tiếng Anh. Mặc dầu lối hành văn khác nhau nhưng nội dung vẫn tương tự. Điều đặc biệt là Kinh Koran được xuất bản nhiều triệu cuốn một lúc nên giá bán rất rẻ. Phần lớn các bản kinh Koran được in dưới hình thức sách bỏ túi (pocket books) có giá bán thông thường là 5 Mỹ Kim. Với giá này ai cũng có thể mua về đọc

hoặc để tham khảo. Số trang trung bình của sách loại này là 500 trang, chữ in cỡ nhỏ.

5. Nên đọc sách kinh Koran bằng Anh ngữ như thế nào ?

Đối với những ai đã từng quen đọc Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước bằng Anh ngữ thì khi chuyển sang đọc kinh Koran qua bản dịch Anh ngữ sẽ cảm thấy không mấy khó khăn. Tuy nhiên, trong nhiều bản dịch Anh ngữ lại có rất nhiều danh từ chung và danh từ riêng được phiên âm theo tiếng Ả Rập. Nếu không tìm hiểu ý nghĩa của những danh từ này trước khi đọc sách Koran chúng ta sẽ lâm vào tình trạng lúng túng không thể hiểu được nội dung của sách và cũng không biết các nhân vật được nói tới trong Kinh

Koran là ai. Lấy một thí dụ điển hình: một nhân vật có tên Ả Rập là ISA được nhắc tới 114 lần trong kinh Koran và nhân vật Myriam được nhắc tới trên 50 lần. Thực ra họ chẳng phải là ai xa lạ : ISA chính là Jesus và Myriam chính là bà Maria, mẹ của ngài.

Để giải quyết khó khăn về các từ ngữ phiên âm theo tiếng Arabic, tôi đề nghị quý vị hãy tìm các bảng GLOSSARY OF ARABIC TERMS thường được in cuối các sách Anh ngữ nói về Hồi Giáo. Quý vị chọn một số từ ngữ quý vị cho là quan trọng để học thuộc lòng trước khi bắt đầu đọc kinh Koran hay các sách viết về Hồi Giáo.

Sau đây là bảng danh sách đối chiếu các tên riêng của Kinh Thánh Cựu

Ước và Tân Ước được nhắc lại trong kinh Koran theo phiên âm Arabic. Các tên riêng này được xếp theo nhóm gia đình (chứ không theo thứ tự Alphabet)

NHÓM	Phiên âm ARABIC	Phiên âm ANH NGỮ	Phiên âm VIỆT NGỮ
Thiên Chúa	Allah	Jehovah Elohim/ God	Thiên Chúa
Tổ tông loài người	Adam	Adam	Ông Adong
	Hawaa	Eve	Bà Evà
Gia đình Abraham	Azar	Terah	Cha của Abraham
	Ibrahim	Abraham	Ông Abraham
	Sara	Sarah	Vợ của Abraham
	Ishaaq	Isaac	Con trai của Abraham và bà Sarah, tổ tiên Do Thái

	Agar	Hajar	Vợ bé, đầy tớ của Abraham
	Ismahil	Ismael	Con của Abraham và Agar, tổ tiên các giống dân Ả Rập (Ismael là vai anh của Isaac)
Gia đình Chúa Jesus	Isa	Jesus	Chúa Giêsu
	Myriam	Mary	Đức Bà Maria
	Yusuf	Joseph	Thánh Giuse, cha nuôi của Chúa Giêsu
	Zakariya	Zakariah	Thánh Giacaria, cha của Gioan Baotixita
	Yahya	John Baptist	Thánh Gioan Baotixita (anh họ của Chúa Giêsu)
Các tiên tri Do	Al-Yasa	Elisha	Tiên tri Êlisa
	Dawood	David	Vua Thánh Đavít

Thái cũng là các thiên sứ trong đạo Hồi	Dhulkiit	Ezekiel	Tiên tri Êdêkien
	Haroon	Aaron	Anh của Môsê
	Musa	Moses	Thánh Môsê
	Idriis	Enoch	Thánh Ênoc
	Luut	Lot	Ông Lot (cháu gọi Abraham bằng bác ruột)
	Nuh	Noah	Ông Noe
	Sulayman	Solomon	Vua Salomon (con David)
	Yaquub	Jacob	Cha của 12 con trai, tổ tiên 12 bộ lạc Do Thái
	Yunus	Jonah	Tiên tri Giona
	Ayyoub	Job	Thánh Gióp
Thánh Kinh	Tawrah	Torah/Old	Kinh Thánh của đạo Do Thái (sách Luật)
	Taurat	Old Testament	Cựu Ước của đạo Kitô

	Injil	Gospel	Phúc âm
	Al-injil	New Testament	Thánh Kinh Tân Ước
	Qur'an	Koran	Thánh Kinh Hồi Giáo
Thiên thần, ma quỷ Jibril	Jibreel	Gabriel	Sứ thần truyền tin Gabriel
	Meekaeel	Micheal	Tổng lãnh thiên thần Micael
	Buraq	Buraq	Con ngựa đầu người có cánh đưa Mohammad về trời tại Jerusalem
	Shaitan / Iblis	Satan	Qui Sa tăng

Ngoài ra, xin chú ý đến một số chi tiết sau đây :

1. Một số đại danh từ trong các sách Thánh Kinh thường được viết theo

cổ ngữ của tiếng Anh. Thí dụ : You được viết thành Thou ; Your được viết thành Thy ...

2. Các quá khứ phân từ, thay vì viết là ED lại được viết thành TH. Thí dụ
 - He opened - He openeth
 - He called - He calleth
 - You will - Thou shalt
 - You have - Thou hast
3. Các kinh Koran Anh ngữ thường đánh số các chương (sura/chapter) bằng số La Mã ở góc trái trên đầu trang sách. Thí dụ : Sura XXXVII : chương 37, Sura CVIII chương 108, LXXIX : chương 79 ...

Khi tra cứu một câu trong kinh Koran, thí dụ :

"Muhammad is not the father of any

of your men but he is the Apostle of Allah and the last of the prophets. Koran 33:40". Xin nhớ số ghi trước là số chương (sura/chapter) số ghi sau là câu thơ (verse). Vậy trước hết xin hãy tìm chương 33 sau đó tìm câu thơ số 40 trong chương này, quý vị sẽ gặp đúng câu thơ được trích dẫn.

Khi đọc các sách về đạo Hồi, chúng ta thường gặp những câu trích dẫn từ kinh Koran, nếu có sẵn một cuốn Koran trong tay để kiểm chứng tính chính xác của sự trích dẫn và sự trung thực của người dịch, thiết tưởng cũng là một điều thích thú.

Để kết thúc bài viết này, tôi xin mượn lời giới thiệu của nhà xuất bản Tahrike Tarsile Qu'ran. Inc. New York nói về kinh Koran : "*Kinh Koran có khả năng đem lại cho những người*

ngoại giáo những điều bổ ích và mang lại tất cả mọi thứ cho các tín đồ Hồi Giáo" – (The Qur'an offers at least something to non-believers and everything to believers).

(Charlie Nguyễn, tài liệu lấy từ Internet ...)

Đối với những bộ sách vĩ đại trên, người viết tài hèn trí mọn chỉ biết "kính nhi viễn chi" và cũng chỉ biết mượn ngòi bút của những nhà thông thái để ghi lại (có ghi rõ các tác giả và tài liệu trích dẫn), với mục đích là để các độc giả có một cái nhìn bao quát, đồng thời có thể phần nào giúp độc giả hiểu thêm về những điều cơ bản của các tôn giáo lớn, nhờ đó mà hy vọng bớt đi được những kỳ thị, hiểu lầm không đáng có và biết sống chan hòa trong sự kính trọng lẫn nhau.

Riêng với bộ sách Thánh Kinh, dù sao đi nữa người viết cũng là kẻ "có đạo", tuy không phải là nhà chuyên môn nghiên cứu Kinh Thánh, nhưng cũng được học hỏi đôi điều qua sách vở và các nhà chuyên môn, nhất là qua việc đọc, suy niệm, nghiên ngẫm Thánh Kinh mỗi ngày, nên cũng mạo muội trình bày đôi điều hoàn toàn không có tính giáo khoa, mà chỉ là ghi nhận Thánh Kinh như một hiện tượng văn học và xã hội với những bằng chứng mang tính khách quan để rộng đường suy luận. Việc tiếp nhận như thế nào thì hoàn toàn tùy thuộc ý chí và tự do của độc giả. Có thể ban đầu quý vị bị "sốc", nhưng rồi một lúc nào đó lại ngộ ra và dễ dàng đón nhận như trường hợp tiến sĩ Nguyễn Như Ngọc, nguyên giáo sư triết học duy vật,

thành viên Viện Khoa học Vật lý,
Viện Khoa học Nguyên tử Việt Nam :

[Tôi sinh ra và lớn lên trong lòng
miền Bắc nước Việt Nam XHCN.
Suốt 10 năm trung học phổ thông tôi
luôn luôn được dạy rằng vũ trụ này tự
nhiên mà có, không có ông Trời nào
hết. Rồi tôi vào học ngành Vật lý của
trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Tôi
phải học Triết học Duy vật một cách
có hệ thống, trong đó sợi chỉ đỏ xuyên
suốt là quan điểm vật chất có trước,
vật chất quyết định ý thức. Chỉ những
gì con người cảm nhận được trực tiếp
hoặc gián tiếp thông qua các giác
quan mới tồn tại (hay hiện hữu).

Như thế hệ thống triết học này
đương nhiên chối bỏ sự hiện diện của
Thiên Chúa, vì không ai có thể sờ

đụng được hoặc cảm nhận được Ngài nhờ giác quan của mình. Lúc bấy giờ tôi cảm thấy điều này là đúng. Ai tin có Thiên Chúa, tôi đều coi là duy tâm, là mê tín dị đoan cả.

Sau khi tốt nghiệp, tôi làm nghề dạy học. Tôi vừa phải dạy vật lý vừa thông qua môn học này để giáo dục tư tưởng triết học này cho sinh viên. *Vì thực tâm tin ở sự đúng đắn của hệ thống triết học này, nên tôi giảng dạy rất say sưa, không thấy gò bó gì cả. Mười ba năm dạy học là mười ba năm tôi bước đi trên con đường xa cách Thiên Chúa và chống lại đường lối của Ngài.*

Năm 1976, tôi trở thành nghiên cứu sinh ở Hungary. Có chút bằng cấp nước ngoài rồi, tôi không dạy học nữa mà xin về làm ở Viện Vật lý thuộc Viện Khoa học Việt Nam. Về sau, tôi

được cử làm trưởng phòng của Phòng Nghiên cứu Vật lý Hạt nhân, trong đó có sáu phó Tiến sĩ cùng làm việc. Chúng tôi đã từng ký kết và thực hiện hợp đồng với Cơ quan Nguyên tử Quốc tế (International Atomic Energy Agency) cộng tác nghiên cứu các phản ứng tổng hợp hạt nhân vào mục đích hòa bình. Tôi đã đi dự một số hội nghị khoa học quốc tế để báo cáo về các công trình nghiên cứu này.

Bước đường sự nghiệp của tôi, tuy chưa bằng ai, nhưng đối với tôi, có thể là toại nguyện. Chỗ làm việc của tôi thật lý tưởng.

Vì nhiều lý do, năm 1989, nhân một chuyến đi công tác nước ngoài, tôi đã xin ở lại Đức. Một hôm tôi đã gặp một nhà truyền đạo Hà Lan tên là *Henk*

Wolthaus. Ông đến phát sách Kinh Thánh cho mọi người. Sau khi nói chuyện với ông một lát, tôi xin ông một quyển Kinh Thánh bằng tiếng Anh (vì không có Kinh Thánh bằng tiếng Việt) và một vài cuốn sách nhỏ khác. Tôi hôm đó, tôi bắt đầu đọc thử các sách mới xin để xem sao.

Ngay từ dòng đầu Kinh Thánh tôi đã thấy vô lý. "Ban đầu Đức Chúa Trời đã dựng nên trời đất" (St 1,1). Lương tri tôi bật lò xo. Đó là phản ứng tự nhiên của một người đã sống gần 50 năm trong định kiến không tôn giáo. Nhưng rồi tôi nhớ lại, chính nhà bác học **Newton** cũng cho rằng sở dĩ các thiên thể chuyển động nhịp nhàng được là nhờ "cái hích đầu tiên của Thiên Chúa" mà ngày trước tôi đã từng phân tích cho sinh viên đây là

quan điểm hoàn toàn sai lầm. Tự nhiên tôi nghĩ rằng Newton, người phát minh ra định luật hấp dẫn vũ trụ được coi là phát minh vĩ đại nhất của lịch sử văn minh nhân loại lại có thể kém như thế ư ? Và tôi tự trả lời : *"Không thể được, chắc là vì mình dốt, không hiểu được ông ta. Có lẽ Đức Chúa Trời có thật"*. Rồi tôi đọc tiếp câu chuyện Chúa sáng tạo vũ trụ trong vòng sáu ngày. Tất cả như một câu chuyện thần thoại dành cho trẻ con. Khi đọc tới Tân Ước, tôi cảm thấy có nhiều điều không thể chấp nhận được. Có thể tin chằng một người mù được sáng mắt, người cùi được sạch, người què được lành, người chết đã có mùi sống lại chỉ nhờ những lời phán ? Ai có thể đi bộ trên mặt nước, ra lệnh bắt bão tố vô tri phải dừng ?

Những phép lạ đầy dẫy trong Kinh Thánh làm cho cái đầu quen suy nghĩ theo kiểu vô tôn giáo của tôi không sao hiểu nổi. Đúng lúc ấy trong đầu tôi nảy ra một câu hỏi, mà bây giờ tôi biết chính Chúa đã đến gỡ rối cho tôi. Câu hỏi đó là : "Sức mạnh nào khiến cho hàng tỷ người trên thế giới, trong đó có hầu hết các nhà khoa học vĩ đại, mà tôi ngưỡng mộ, tin Kinh Thánh ? Họ cuồng tín hay chính mình ngu dốt ?".

Từ những cuốn sách mỏng xin của người truyền đạo Hà Lan, tôi đã đọc được những câu bắt hủ sau :

- **Charles Dickens** (Anh, 1812-1879) viết : "*Kinh Thánh Tân Ước chính là cuốn sách tốt nhất đã từng hoặc sẽ được biết đến trên thế giới*" ;
- Ngài **Isaac Newton** (Anh, 1642-

1727), nhà khoa học mà tôi đầy lòng khâm phục, đã kết luận : *"Trong Kinh Thánh có nhiều biểu hiện chắc chắn về tính có thực hơn trong bất cứ một câu truyện nào chống lại sách đó"* ;

- **Victor Hugo** (Pháp, 1802-1885) viết : *"Nước anh có 2 cuốn sách : Kinh Thánh và Shakespeare. Nước Anh sinh ra Shakespeare, còn Kinh Thánh làm nên nước Anh"* ;
- **Albert Einstein** (Đức, 1879-1955), nhà vật lý được coi là vĩ đại nhất của thế kỷ 20, đã phát biểu : *"Khoa học không có tôn giáo là mù lòa. Tôn giáo mà thiếu khoa học là què quặt"*.

Lúc bấy giờ tôi chưa hiểu được nhiều ; nhưng Chúa biết tôi là người

từng được học và làm khoa học, nên đã dùng tiếng nói của chính các nhà khoa học thật lớn để mở mắt cho tôi.

Tôi nhớ đến một câu nói của Newton : Sau khi ông đã phát minh ra "*Định luật hấp dẫn vũ trụ*" kỳ diệu, nhiều người đã hỏi ông làm cách nào mà ông đã có thể phát minh ra định luật vĩ đại như vậy, Newton vừa cười vừa trả lời : "***Đó là nhờ tôi đã đứng trên vai những người khổng lồ***".

Chúa như đang nhắc nhở tôi "*Hãy đứng lên vai những người khổng lồ này thì con sẽ nhận ra chân lý của Ta*". Quả nhiên tôi đã bị Ngài chinh phục dễ dàng. Cái tư tưởng không tôn giáo được tích lũy công phu và sử dụng bao nhiêu năm nay, bị đánh bật khỏi đầu óc tôi. Xưa nay tôi vẫn nghĩ

đơn giản : "*Không có Đức Chúa Trời, vì không ai chứng minh được sự hiện diện của Ngài*". Nhưng bây giờ tôi lại biết đặt câu hỏi mới : "*Ai đã chứng minh được Đức Chúa Trời không hiện hữu ?*". Tất cả chỉ dựa vào cảm giác của con người ; mà cảm giác thì không phải là một chứng minh khoa học. Người đang đứng ở trái đất thì nói rằng mặt trăng xoay quanh trái đất ; nhưng quan sát viên đứng ở mặt trăng sẽ bảo trái đất quay quanh mặt trăng. Ai đúng ? Hơn nữa, có nhiều cái hiện hữu mà ta không thể nhận biết bằng cảm giác, chẳng hạn như trí khôn con người. Không có và không thể có một máy móc nào đo được trí khôn. Vì vậy quan niệm "*có Chúa hay không có Chúa*" là **vấn đề Đức tin**, nằm ngoài phạm vi của khoa học, của cảm giác.

Nói theo ngôn ngữ khoa học, đây là những "tiên đề" (Axioms).

Thật ra, tiên đề "có Chúa" dễ tin hơn tiên đề "không có Chúa" nhiều. Nhà bác học Newton đã làm một mô hình hệ thống mặt trời rất đẹp để ngay trên bàn làm việc. Một hôm, có một người bạn không tôn giáo đến thăm. Ông bạn khen mô hình đẹp quá và hỏi : "*Ai đã làm nên vậy ?*". Newton cười hóm hỉnh trả lời : "*Tự nhiên mà có đấy thôi !*". Ông bạn không tin. Newton trả lời : "***Thế tại sao cậu lại tin cả vũ trụ vĩ đại chuyển động nhịp nhàng này tự nhiên mà có không cần Đấng Sáng Tạo ?***".

Tương tự, nếu đi làm về mà thấy có com dẻo canh ngọt trên bàn thì nhất định chúng ta phải tin rằng có bàn tay

một người nào đó đã dọn sẵn. Chân lý đó thật quá đơn giản, vậy mà tại sao nhiều người (kể cả tôi trước đây) lại theo tiền đề "*không có Chúa*". Kinh Thánh có câu trả lời "*vì tên ác thần của đời này (ma quỷ) đã làm cho tâm trí họ ra mù quáng*" (2Cr 4,4).

Tính muôn màu muôn vẻ của thiên nhiên, tính di truyền kỳ diệu : Hạt giống nào sinh cây trái đó ; vẻ đẹp tuyệt vời của những nàng hoa ; sự hài hòa và hoàn thiện của cơ thể con người ; sự hùng vĩ của bầu trời đầy sao. Tất cả những sự màu nhiệm đó cộng với những ý kiến của các vĩ nhân mà tôi hằng kính phục đã cho tôi nhận ra một Đức Chúa Trời toàn năng, toàn trí và toàn tài. Dần dà tôi cũng tin Kinh Thánh là Lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời, vì dù đã được viết bởi

hơn bốn mươi tác giả, ở những địa điểm khác nhau, trải qua khoảng thời gian 1500 năm, nhưng Kinh Thánh là **một thể thống nhất**. Từ đầu chí cuối Kinh Thánh nói về **một chủ đề duy nhất, đó là kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại**. Thực ra đây cũng là vấn đề của đức tin, là tiền đề thứ hai cho mọi người theo Chúa.

Một trong những khái niệm khó giải nhất là khái niệm **Đức Chúa Trời có Ba Ngôi một thể** (Tam vị nhất thể). Cảm tạ Chúa đã tạo tôi thành một người nghiên cứu vật lý, nên điều này đối với tôi lại rất dễ chấp nhận khi so sánh với nước. Nước cũng có ba trạng thái là **rắn, lỏng và hơi**. Ba trạng thái vật chất ấy đều có cùng bản chất là H_2O , có thể nói 3 là 1, 1 nhưng là 3. Ở

đâu có 1 là có cả 3 trạng thái. Điều thật khó hiểu lại trở thành dễ hiểu, quá rõ ràng, mặc dù đây chỉ là một sự so sánh khập khiễng, một sự minh họa rất đại khái mà thôi.

Khi đã có những niềm tin cơ bản ấy (thừa nhận cả 2 tiền đề) thì mọi thắc mắc về các phép lạ đều được giải đáp dễ dàng. Đức Chúa Giê-su chính là Đức Chúa Trời hiện thân làm người như chúng ta. Như vậy, Người là Đấng Sáng Tạo. Chính Ngài đã tạo nên vũ trụ này, vốn là một phép lạ vĩ đại nhất, thì những phép lạ khác trong Tân Ước, như đi trên mặt nước, gọi người chết sống lại ... đối với Ngài không có gì là khó thực hiện].

*(Trích trong Bài Giảng Chúa Nhật
số 4/2007, trang 74 –
Bài của tiến sĩ Phan Như Ngọc,*

pnnngoc@gmx.net ; www.hoptinhhoply.org)

Tân bình, ngày 20 tháng 04 năm 2012

Lm. Giuse Nguyễn Hữu Triết



Hiện nay địa chỉ của tôi :

Lm. Giuse Nguyễn Hữu Triết

**387 Lê Văn Sỹ, phường 2, quận Tân Bình,
Thành phố Hồ Chí Minh.**

Điện thoại : 38449497 – 0909721822

*Quý độc giả muốn có thêm tài liệu
hoặc có thắc mắc, xin liên lạc :*

Email : josnhtriet@gmail.com

Cần sự tiếp tay

*Nếu quý độc giả thấy tập này
có một chút gì tốt đẹp, hữu ích
thì xin tiếp tay phổ biến cho bạn
bè, con cháu, người thân quen
bằng cách photô ra ít bản tặng
họ, hay ít là chuyển tay tập này
cho một người khác.*

Người viết hết lòng cảm ơn.